

ĐOÀN TRUNG CÒN



# TAM BẢO

*Văn Chương*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



# **TAM BẢO VĂN CHƯƠNG**

**Đoàn Trung Còn biên soạn  
Nguyễn Minh Tiến hiệu đính**

Phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Văn hóa Hương Trang và tác giả. Nghiêm cấm mọi sự sao chép, trích dịch hoặc in lại mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**ĐKKHXB Số 25-803/XB-QLXB**

**TNKHXB Số 59/NXBTG**

**In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Bình  
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM  
Việt Nam**

---

Published by arrangement between Hương Trang Cultural Company Ltd. and the author.

All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

**ĐOÀN TRUNG CÒN**

*biên soạn*

**Nguyễn Minh Tiến**

*hiệu đính*

**TAM BẢO  
VĂN CHƯƠNG**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

## TỰA

Sách xưa có câu: Văn chương là phương tiện để ghi chép đạo lý, cũng có nghĩa là cỗ xe chở đạo. Lại có câu: Nói mà không có văn chương thì lưu hành chẳng được xa. Vậy bất cứ tôn giáo nào cũng đều cần dùng văn chương để gửi gắm, phát triển, và truyền bá đạo lý, làm cho đạo lý có thể lưu lại ngàn đời, truyền xa ra ngoài muôn dặm. Ví như có một thắng cảnh kia, chân ta chưa từng bước tới, mắt ta chưa được xem qua, có thể nhờ văn chương của các tao nhân mặc khách miêu tả mà cảnh trí thanh lịch rực rỡ đều như hiện ra trước mắt, chẳng khác gì ta đã từng đi đến tận nơi vậy.

Đức Phật thuyết Pháp, chư tăng gìn giữ pháp Phật để vĩnh viễn lưu truyền làm đạo lý tế độ quần sanh. Vì thế, Phật, Pháp và Tăng là ba món báu của chúng sanh, xuất hiện ở Thiên Trúc<sup>1</sup> từ hơn 25 thế kỷ trước đây, mà lan rộng ra khắp mười phương, lưu lại lâu dài tới vạn kiếp, cũng nhờ có văn chương làm phương tiện ghi chép đạo lý, khiến cho chúng sanh ở khắp mười phương, ở sau vạn kiếp đều đặng hiểu rõ mà tin tưởng, tôn trọng đạo mầu.

Phật giáo truyền sang Việt Nam ta, không kể giai đoạn Bắc thuộc vốn chưa có chứng cứ khảo cứu chắc chắn, chỉ kể từ sau khi độc lập, trải qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, cho tới triều Nguyễn, trên ngàn năm nay, ngày lẫn thịnh hành, từ thành thị cho đến hương thôn,

<sup>1</sup> Tức Ấn Độ

## Tam bảo văn chương

---

đâu đâu đều có chùa chiền, danh lam thắng tích rất nhiều, thì thấy rằng chúng sanh phương Nam này rất đông người tin tưởng và tôn trọng đạo Phật.

Nhưng tin tưởng và tôn trọng mà không bày tỏ thành lời thì không đủ tỏ được lòng thành tín. Cho nên các tín đồ đạo Phật thường dùng các thể thi ca từ phú để ngâm vịnh, miêu tả, đặng gửi gắm lòng đạo, phát triển ý đạo, mà lưu truyền Ba món báu<sup>1</sup> cho được dài lâu. Những áng văn chương ấy góp lại cũng nhiều, đều là việc dẫn giải đạo lý, để bày tỏ sự mến mộ đối với đạo mẫu.

Những giá trị ấy, há nên để tán lạc mà mai một mất đi sao? Vậy bốn tông thơ sưu tập các bài thi ca từ phú của các tao nhân mặc khách xưa nay, lựa ra từng phần, lấy nhan đề chung là Tam Bảo văn chương, in làm một quyển sách, nhằm cống hiến cho các bạn thiện tín thường ngày ngâm vịnh mà nuôi dưỡng tấm lòng mộ đạo.

## PHẬT HỌC TÔNG THƠ

---

<sup>1</sup> Tức là Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng.

# I. CÁC THỂ CA

(kệ, hát nói, lục bát, song thất lục bát)

## BẢY BÀI KỆ CỦA BẢY ĐỨC PHẬT

### 1. Kệ đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipayin)

(Đức Thế Tôn thứ 998 về Quá khứ Trang nghiêm kiếp)

Thân từng vô tướng trung thụ sanh,  
Du như huyễn do chư hình tượng.  
Huyễn nhân tâm thức bản lai vô,  
Tội phúc giai không vô sở trụ.

身從無相中受生  
猶如幻由諸形象  
幻人心識本來無  
罪福皆空無所住。

#### *Diễn nôm*

*Thân thọ sanh từ nơi không tướng,  
Như giấc mơ do tượng hình ra.  
Người mơ tâm thức đâu mà?  
Trụ đâu tội phước đều là thành không.*

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được tám muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-

## Tam bảo văn chương

---

đầu Bà-đê. Ngài ở thành Bàn-đầu Bà-đê, ngồi dưới cây Ba-ba-la, thuyết pháp ba hội, độ cho người ta được 348.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là *Khiên-trà*, phép thứ hai tên là *Đê-xá*. Thị giả là ngài *Vô-ưu-tử Phương Ứng*.

## 2. Kệ đức Phật Thi-khí (Ikhin)

(Đức Thế Tôn thứ 999 về Trang nghiêm kiếp)

Khởi chư thiện pháp bốn thị huyện;  
Tạo chư ác nghiệp diệt thị huyện.  
Thân như tụ bọt, tâm như phong,  
Huyền xuất vô căn vô thật tánh.

起諸善法本是幻  
造諸惡業亦是幻  
身如聚沫心如風  
幻出無根無寔性。

### *Diễn nôm*

*Pháp lành khởi, vốn xưa là huyện;  
Nghiệp dữ gây, cũng huyện mà ra.  
Thân bọt đậu, tâm gió qua,  
Không gốc, không thật, tánh là huyện thôi!*

Kinh *Trường A-hàm* chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bảy muôn tuổi đức Phật này ra đời, dòng *Sát-ly*, họ *Câu-ly-nhã*, cha là *Minh Tướng*; mẹ là *Quang*

*Diệu.* Ngài ở thành *Quang Tướng*, ngồi dưới cây *Phân-đà-ly*, thuyết pháp ba hội, độ cho người ta được 250.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là *A-tỳ-phù*, phép thứ nhì tên là *Bà-bà*. Thị giả là ngài *Nhấn-hạnh-tử Vô Lượng*.

### 3. Kệ đức Phật Tỳ-xá-phù (Visvabhù)

*(Đức Thế Tôn thứ 1.000 về Trang nghiêm kiếp)*

Giả tá tứ đại dĩ vi thân,  
Tâm bản vô sanh, nhân cảnh hữu.  
Tiền cảnh nhược vô, tâm diệc vô,  
Tội, phước như huyễn, khởi diệc diệt.

假 佐 四 大 以 為 身  
心 本 無 生 因 境 有  
前 境 若 無 心 亦 無  
罪 福 如 幻 起 亦 滅。

#### *Diễn nôm*

*Bốn vật lớn mượn làm thân đó,  
Tâm không sanh, nhân cảnh mà sanh.  
Cảnh không, tâm cũng không thành,  
Đôi đàng tội phước như hình huyễn thôi!*

Kinh *Trường A-hàm* chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bảy muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng *Sát-ly*, họ *Câu-ly-nhã*, cha là *Thiện Đăng*, mẹ là *Xương*



## Tam bảo văn chương

---

*Giới.* Ngài ở thành Vô Dụ, ngồi dưới cây Bà-la, thuyết pháp hai hội, độ cho người ta được 113.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là *Phù-du*, phép thứ nhì tên là *Uất-đa-ma*. Thị giả là ngài *Tịch-diệt-tử Diệu Giác*.

### 4. Kệ đức Phật Câu-lưu-tôn (Krakucchanda)

*(Đức Thế Tôn thứ nhất về Hiện tại Hiền kiếp)*

Kiến thân vô thật thị Phật thân.  
Liễu tâm như huyễn thị Phật huyễn,  
Liễu đắc thân, tâm bốn tánh không.  
Tư nhân dữ Phật hà thù biệt?

見身無寔是佛身  
了心如幻是佛幻  
了得身心本性空  
斯人與佛何殊別。

#### *Diễn nôm*

*Thân không thật, ấy là thân Phật;  
Tâm bông lông, biết Phật bông lông.  
Thân, tâm, tánh ấy vốn không,  
Người ta với Phật cũng đồng như nhau.*

Kinh *Trường A-hàm* chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bốn muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Cha tên là *Lễ Đắc*, mẹ là

*Thiện Chi.* Ngài ở thành *An Hòa*, ngồi dưới cây *Thi-ly-sa*, thuyết pháp một hội, độ cho người ta được 40.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là *Tát-ni*, phép thứ hai tên là *Tỳ-lâu*. Thị giả là ngài *Thiện-giác-tử Thượng Thắng*.

## 5. Kệ đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamouni)

*(Đức Thế Tôn thứ 2 về Hiền Kiếp)*

Phật bất kiến thân, tri thị Phật,  
Nhược thật hữu tri, biệt vô Phật.  
Trí giả năng tri tội tánh không,  
Thản nhiên bất bố ư sanh tử.

佛不見身知是佛  
若寔有知別無佛  
智者能知罪性空  
坦然不怖於生死。

### *Diễn nôm*

*Thân chẳng thấy, biết là thân Phật,  
Nếu biết rồi, thì Phật là không.  
Người khôn biết tội tánh không,  
Thản nhiên chẳng sợ trong vòng tử sanh.*

Kinh *Trường A-hàm* chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được ba muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng

## Tam bảo văn chương

---

*Bà-la-môn*, họ *Ca-diếp*. Cha tên *Đại Đức*, mẹ là *Thiện Thắng*. Ngài ở thành *Thanh Tịnh*, ngồi dưới cây *Ô-tàm Bà-la-môn*, thuyết pháp một hội, độ cho người ta được 30.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là *Thư-hàm-na*, phép thứ nhì là *Uất-đa-lâu*. Thị giả là ngài *An-hòa-tử Đạo Sư*.

### 6. Kệ đức Phật Ca-diếp (Kayapa)

*(Đức Thế Tôn thứ 3 về Hiền kiếp)*

Nhất thiết chúng sanh tánh thanh tịnh,  
Tùng bốn vô sanh, vô khả diệt.  
Túc thủ thân, tâm thị huyễn sanh,  
Huyễn hóa chi trung vô tội, phước.

一切衆生性清淨  
從本來生無可滅  
即此身心是幻生  
幻化之中無罪福。

#### *Diễn nôm*

*Tánh chúng sanh tẩy thanh tịnh hết,  
Do không sanh, không diệt mà ra.  
Thân, tâm là huyễn trôi mà,  
Huyễn thì tội, phước hóa là đều không.*

Kinh *Trường A-hàm* chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được hai muôn tuổi, đức Phật này ra đời,

dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ. Ngài ở thành Ba-la-nại, ngồi dưới cây Ni-câu-luật, thuyết pháp một hội, độ được người ta 20.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Đề-xá, phép thứ nhì là Bà-la-bà. Thị giả ngài là Thiện-hữu-tử Lập Quân.

## 7. Kệ đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Çakyamouni)

(Đức Thế Tôn thứ 4 về Hiền Kiếp)

Pháp bốn pháp vô pháp,  
Vô pháp, pháp diệt pháp.  
Kim phó vô pháp thời,  
Pháp pháp hà tăng pháp.

法本法無法  
無法法亦法  
今付無法時  
法法何曾法。

### *Diễn nôm*

Pháp là pháp, vốn xưa không pháp,  
Không pháp mà cũng pháp đó đây.  
Ta trao không pháp buổi nay,  
Pháp nào pháp nấy, nào hay pháp nào.

## Tam bảo văn chương

---

Ngài giáng sanh trong dòng nhà vua *Sát-ly*, phóng đại quang minh; dưới đất nảy lên hoa sen vàng. Ngài bước đi bảy bước, đưa một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, dùng tiếng như sư tử rống mà nói rằng: “*Trên trời, dưới đất, chỉ có một mình ta là tôn quý.*”<sup>1</sup> Hôm ấy là ngày mùng 8 tháng 4 năm 624 trước Công nguyên. Ngài xuất gia tu hành thành Phật, chuyển Pháp luân Tứ diệu đế, thuyết pháp hành đạo 49 năm. Thị giả của ngài là ngài *A-nan*.

Sau ngài dạy đệ tử là *Ca-diếp* rằng:

“Nay ta đem Chánh pháp nhân tạng, diệu tâm *Niết-bàn* giao phó cho nhà ngươi.”

Nói rồi ngài thuyết bài kệ trên.

Ngài thuyết kệ xong rồi, ngồi ngay thẳng, lặng lẽ nhập Niết-bàn dưới gốc cây *Sa-la*. Các đệ tử liền lấy củi thơm thiêu hóa. Năm ấy ngài 80 tuổi.

---

<sup>1</sup> Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn. (天上天下,惟我獨尊)

---

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

*Chu Mạnh Trinh*

Bầu trời cảnh Phật,  
Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay.  
Kìa non non, nước nước, mây mây,  
Đệ nhất động<sup>1</sup> là đây có phải?

Thỏ thẻ rừng Mai chim cúng trái;  
Lửng lơ khe Yến<sup>2</sup> cá nghe kinh.  
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,  
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng,  
Này hang Phật Tích,<sup>3</sup> này động Tuyết Quỳnh.<sup>4</sup>  
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,  
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.

Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt;  
Gập ghềnh đôi lối uốn thang mây.  
Chừng giang sơn còn đợi ai đây?  
Hay tạo hóa sẽ ra tay xếp đặt?

---

<sup>1</sup> Vua Lê Thánh Tông ngự đề năm chữ Nam thiên đệ nhất động (động thứ nhất của cõi trời Nam) tại cửa chùa, khắc vào đá, ngày nay vẫn còn.

<sup>2</sup> Khe suối Yến Vĩ.

<sup>3</sup> Phật Tích: Theo truyền thuyết, nơi động này Phật Bà Quán Âm tu hành đắc đạo, còn có dấu tích lưu lại.

<sup>4</sup> Tuyết Quỳnh: nơi cửa động khí lạnh, mùa đông thường có tuyết đọng, nhân đó mà đặt tên.

## Tam bảo văn chương

---

*Lần tràng hạt<sup>1</sup> niệm: Nam-mô Phật,  
Cửa từ bi công đức xiết là bao!  
Càng trông phong cảnh càng yêu.*

### VIẾNG CHÙA HƯƠNG TÍCH

*Chu Mạnh Trinh*

Hương sơn là thú thanh cao,  
Những là nay ước mai ao mấy lần.  
Thanh bình gặp hội du xuân,  
Én anh nô nức xa gần đua nhau.

Thuận dòng ngàn liễu dặm dâu,  
Một thuyền đàn sách, lưng bầu gió trắng.  
Buồm lan nhẹ cánh lằng lằng,  
Hay đâu mượn gió gác Đàng<sup>2</sup> đưa duyên.

Giang sơn thì vẫn người quen,  
Đạo chơi Châu Phố, xuôi miền Đục Khê<sup>3</sup>

---

<sup>1</sup> Chuỗi hạt Bồ-đề.

<sup>2</sup> Cổ thi: “Thời lai phong tống Đàng Vương các” (Lúc thời vận tới thì gió đưa lên gác Đàng Vương). Gác này ở cửa Chương Giang, ngoài phía tây huyện Tâm Kiến, thuộc tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, do con thứ hai vua Đường Cao Tổ là Đàng Vương Nguyên Anh xây cất lúc làm đô đốc Hồng Châu.

<sup>3</sup> Châu Phố, Đục Khê là hai làng dựa theo đường suối vô chùa.

Chiêng vàng gác bóng non tê,<sup>1</sup>  
Dừng chèo, ướm hỏi lối về chùa trong.

Lần khe Yến Vĩ<sup>2</sup> đi vòng,  
Bốn bề bát ngát xa trông lạ dường.  
Giữa dòng đáy nước lồng gương,  
Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào Nguyên.<sup>3</sup>

Lạ cho vừa bén màu thiên,  
Mà trăm nảo với ngàn phiến sạch không!  
Bầu trời man mác xa trông,  
Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu.

Cỏ cây xanh ngắt một màu,  
Yết thần Vạn Tuế, lên lầu Ngũ Doanh.<sup>4</sup>  
Nhác trông sơn thủy hữu tình,  
Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng.

---

<sup>1</sup> Tê là phương Tây, nghĩa là mặt trời chiều gác bóng non Tây sắp lặn.

<sup>2</sup> Yến Vĩ là hòn núi dựa theo làng Yến Vĩ, tiếp giáp với chùa, hình dài lượn như đuôi chim én.

<sup>3</sup> Đào Nguyên: Nguồn Đào, tại huyện Vô Lăng Trung Quốc, trong đó toàn những cây đào, do người đời Tần tránh họa vào ẩn tại đó, đều thành tiên, mà ngoài đời không ai biết. Trải qua Tây Hán, Đông Hán, Bắc Ngụy, tới đời Tấn Hậu là 500 năm, mới có ông chài lạc thuyền vào mà tìm thấy.

<sup>4</sup> Vạn Tuế, Ngũ Doanh đều là những lầu đài tại chùa Hương Tích.



## Tam bảo văn chương

---

Chung quanh những núi cùng rừng,  
Đồng Ông một dãy, ngang lưng non Bà.  
Núi Xôi, núi oản, núi Gà,  
Núi con Voi phục, bày ra bên cầu.<sup>1</sup>  
Nào ông Sào Phủ đi đâu?  
Hang sâu còn vết dất trâu rõ ràng.<sup>2</sup>

Tiếng dêu văng vẳng chuông vàng,  
Khói dêu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù.<sup>3</sup>  
Thuyền lan máy mái chèo đưa,  
Một giây thẳng tới bên chùa bước lên.

Lầu chuông, gác trống đôi bên,  
Cửa rồng năm sắc, đài sen chín tầng.  
Muôn hồng ngàn tía từng bùng,  
Suối khe réo nhạc, thông rừng dạo sênh.

Chim cúng trái, cá nghe kinh,  
Then hoa gài nguyệt, chày kinh nện sương.  
Nam mô Phật Tổ vô lường,  
Trai thành dâng một nén hương trụ trì.<sup>4</sup>

---

<sup>1</sup> Đều là những cảnh trí non sông tại vùng chùa Hương Tích.

<sup>2</sup> Tục truyền tại núi Hương Tích có vết chân trâu do ông Sào Phủ là cao sĩ ở ẩn đời Đường Nghiêu dất đi ngang qua.

<sup>3</sup> Thiên Trù tức là chùa ngoài núi Hương Tích.

<sup>4</sup> Trụ trì: Trụ ở thế gian để duy trì pháp Phật.

Nước công đức, cửa từ bi,  
Dịp cầu khổ hải,<sup>1</sup> cánh bè mê tân.<sup>2</sup>  
Người lễ Phật, kẻ cầu thân,  
Người con công, kẻ mọc ân vô vòn.

Phòng Tăng tựa chốn thanh nhàn,  
Vui vầy đạo Phật, mê man màu thiên.  
Lò trầm chưa dứt hương nguyên,  
Túi thơ đủng đỉnh dạo miền Giải Oan.<sup>3</sup>

Hỏi đây rằng Đệ nhị quan,  
Rành rành vết ngọc còn in dấu giày.<sup>4</sup>  
Luân hồi nào dễ ai hay,  
Oan gia thiệt lấy nước này giải cho.

Lần theo dấu thỏ quanh co,  
Qua rừng mơ tốt<sup>5</sup> đến chùa Chấn Song<sup>6</sup>  
Bầu trời bát ngát xa trông,

---

<sup>1</sup> Khổ hải: biển khổ, Phật thuyết dùng ví dụ với cái cảnh khổ não vô cùng. Kinh Lăng Nghiêm có câu: Xuất ư khổ hải (ra khỏi bể khổ).

<sup>2</sup> Mê tân: bến mê, Phật thuyết dùng ví dụ với nơi chúng sanh mê tối lầm lạc.

<sup>3</sup> Giải Oan: tại núi Hương Tích có dòng suối gọi là suối Giải Oan, nếu ai có sự oan khiên gì thì làm lễ Phật rồi dùng phép lấy nước suối ấy mà rửa.

<sup>4</sup> Đệ nhị quan: Qua chùa Thiên Trù vào chùa trong là cửa thứ nhì, nơi đó còn có dấu giày của Phật Bà Quan Âm in ở đường đá.

<sup>5</sup> Tại núi Hương Tích có khu rừng toàn những cây mơ, bông trái tốt lắm.

<sup>6</sup> Chùa trong ở Hương Tích tục gọi là chùa Chấn Song.

## Tam bảo văn chương

---

Võng trời rủ xuống mấy vòng thuốt tha.<sup>1</sup>  
Chấp tay niệm Phật *Di-đà*,  
Kẻ ngồi, người đứng, kẻ ra, người vào.  
Non trời biết mấy tầng cao,  
Đã đi phải đến, đã trèo phải lên.

Một tòa phong cảnh thiên nhiên,  
Gió đâu vẳng vẳng nhạc tiên xa gần.  
Cheo leo đỉnh núi non thân,  
Cúi đầu trời thấp, cất chân mây đùa.

Hoa đua thắm, liễu khoe non,  
Chim cúng trái, vượn ru con dập dìu.  
Màu thanh vẽ lịch trăm chiều,  
Hỡi ai mở khóa động đào cho nhau?

Một làn thăm thẳm hang sâu,  
Rẽ đường nhắc thấy đôi cầu hai bên.  
Kìa lâm thóc, nọ kho tiền,  
Kìa Bảo tòa nọ Kim liên rõ ràng.

Phất phơ dải phướn vắt ngang,  
Nước đâu nhỏ giọt quỳnh tương trên đầu.  
Khen ai khéo dệt kim châu,  
Áo cà-sa đủ năm màu linh lung.

---

<sup>1</sup> Tại núi Hương Tích có từng lần đá thòng xuống như giăng võng, người ta gọi là Võng Trời.

Khen ai khéo lựa tơ đồng,  
Cống, xang, hồ, đủ tám cung nhịp nhàng.  
Thiên đường một lối sáng choang,  
Đường đi âm phủ một hang tối mò.<sup>1</sup>

Biết ai rằng cậu hay cô,  
Lần đôi đường có nhấp nhô đầu người,<sup>2</sup>  
Bút hoa ai khéo vẽ vời,  
Rêu in vách đá một vài câu thơ.

Khói trầm ngào ngạt xa đưa,  
Giục người giấc mộng: trống trưa, chuông chiều.  
Ngọn đèn lồng bóng trắng treo,  
Tiếng kinh chen tiếng tiêu thiêu<sup>3</sup> hôm mai.

Phật Bà<sup>4</sup> cao ngự Liên đài,  
Đôi bên Ngọc Nữ, Thiện Tài<sup>5</sup> phán ban.  
Thần thông hóa phép chan chan,  
Hóa ngàn tay mắt, hóa ngàn chân thân,

---

<sup>1</sup> Đều là cảnh trí thiên nhiên của núi Hương Tích, toàn bằng đá và nước.

<sup>2</sup> Tại núi Hương Tích có hai ngọn đèo, trong có nhiều hòn đá nhấp nhô như đầu người, tục gọi là Út Cô, Núi Cậu, khách thiện tín thập phương đến chùa cầu tự, muốn xin con trai hay là con gái, thì tùy ý xoa đầu cô nào, cậu nào mà chọn lấy.

<sup>3</sup> Tiêu thiêu: khúc nhạc tiên.

<sup>4</sup> Tục truyền Phật Bà Quán Âm pháp danh Diệu Thiện, con gái thứ ba vua Diệu Trang Vương, đắc đạo thành Phật tại núi Hương Tích này.

<sup>5</sup> Ngọc Nữ, Thiện Tài: là hai vị thị giả đứng hầu hai bên tả hữu của Phật Bà.

## Tam bảo văn chương

---

Đô Thiên quan, Đô phu nhân,<sup>1</sup>  
Diệu Thanh cùng với Diệu Âm đôi nàng.<sup>2</sup>  
Thanh sư bạch tượng bày hàng,<sup>3</sup>  
Thâm nghiêm một điện linh quan ngất trời.

Kiếp tu hành biết mấy mươi,  
Dấu thiêng đã mấy muôn đời còn đây.  
Sắc không ngồi nghĩ cho hay,  
Từ bi cũng tấm lòng này mà ra.

Cúi đầu làm lễ bước ra,  
Hồ đi lại đứng, dần dà mấy phen.  
Khách trần lạc lối cõi Tiên,  
Họa sau này có nhân duyên chăng là?

*Trải bao dặm liễu đường hoa,  
Nhật trình chấp nhật khúc ca tay đề.*

---

<sup>1</sup> Không biết là chỉ đến ai.

<sup>2</sup> Diệu Thanh, Diệu Âm là hai vị công chúa, chị của Phật Bà, cùng tu hành với Phật Bà thành đạo quả: Diệu Thanh thành Phổ Hiền Bồ Tát, Diệu Âm thành Văn Thù Bồ Tát.

<sup>3</sup> Thanh sư: con sư tử xanh, Bạch tượng: con voi trắng, hai con yêu quái. Phật Bà hàng phục cả hai, tặng cho Bồ Tát Văn Thù cưới con Thanh sư, Bồ Tát Phổ Hiền cưới con Bạch tượng.

## VĂN CÚNG CÔ HỒN

*Nguyễn Du*

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,  
Toát hơi mây lạnh lẽo xương khô.  
Não người thay buổi chiều thu,  
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng!

Đường bạch dương<sup>1</sup> bóng chiều man mác,  
Dịp đường lê<sup>2</sup> lác đác sương sa.  
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,  
Cõi dương còn có, nữa là cõi âm.

Trong trường dạ<sup>3</sup> tối tăm trời đất,  
Có khôn thiêng phảng phất u minh.<sup>4</sup>  
Thương thay, thập loại chúng sanh,<sup>5</sup>

---

<sup>1</sup> Bạch dương: tên một giống cây người thường trồng tại nơi mồ mả, lá tròn và lớn, bề mặt xanh, bề lưng trắng, cọng lá dài, hơi có gió thì liền lay động thành tiếng đìu hiu rầu rĩ.

<sup>2</sup> Đường lê một giống cây thường trồng tại lề đường lấy bóng mát, tới mùa thu thì lá già, bị sương thì rụng, tức là cây cam đường, vì nhành cội cao dài như cây lê, cho nên có tên riêng là đường lê.

<sup>3</sup> Trường dạ: đêm dài.

<sup>4</sup> U minh: mù tối, cõi u u minh minh.

<sup>5</sup> Chúng sanh: mọi sanh linh trên thế giới, phàm có sanh mạng đều là chúng sanh. Theo Phật thuyết thì chúng sanh gồm cả thượng lưu, trung lưu và hạ lưu, cả người và vật, cả sống và chết, hết thảy có mười loại.

## Tam bảo văn chương

---

Hồn đơn, phách chiếc lênh đênh quê người  
Hương lửa đã không nơi nường tựa,  
Hồn mồ cô lữ lửa mấy niên.  
Còn chi ai khá ai hèn,  
Còn chi mà nói kẻ hiền, người ngu!

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,  
Nước tịnh bình vẩy hạt dương chi.<sup>1</sup>  
Muôn nhờ đức Phật từ bi,  
Giải oan, cứu khổ, cùng về Tây phương.

Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,<sup>2</sup>  
Chí những lăm cất gánh non sông;  
Nói chi đương buổi tranh hùng,  
Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau!

Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở,  
Khôn đem mình làm đũa thất phu.<sup>3</sup>

---

Nhưng bài này gọi là Thập loại chúng sanh đối với Phật thuyết thì sai nghĩa, vì đây là bài văn cúng cô hồn thì chỉ là một loại ngựa quỷ (cô hồn) mà thôi.

<sup>1</sup> Tịnh bình: bình nước trong sạch, do Tịnh thủy châu là thứ ngọc đã lược đi (luận Trí Độ); dương chi: hành dương liễu. Pháp Uyển Hân Lâm Phật Đồ Trìng là một tăng sĩ pháp thuật cao siêu ở Ấn Độ. Bạch Lạc nghe danh, mời sang Trung quốc. Con trai của Lạc mắc bệnh nặng, Phật Đồ Trìng lấy hành dương liễu nhúng vào bình nước mà vẩy cho, liền tỉnh lại.

<sup>2</sup> Kiêu hãnh: Cầu may, hy vọng những chuyện phi phận.

<sup>3</sup> Thất phu: kẻ đàn ông hèn hạ. Hán thư: “Cần vi thất phu bất đắc”

Giàu sang càng nặng oán thù,  
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời

Đoàn vô tự<sup>1</sup> lạc loài nheo nhóc,  
Quý không đầu đón khóc đêm mưa.  
Cho hay thành, bại<sup>2</sup> là cơ.  
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan!

Cũng có kẻ màn lan, trướng huệ,  
Những cậy mình cung quế, phòng hoa.  
Một phen thay đổi san hà,<sup>3</sup>  
Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?

Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,  
Phận đã đành trâm gãy, bình rơi.  
Khi sao đông đúc vui cười,  
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương?

Đau đón nhẽ không hương, không khói,  
Luống ngẩn ngơ trong cõi rừng sim.  
Thương thay tay yếu chân mềm,  
Càng năm càng héo, một đêm một dài!

---

(Ông vua lúc sa cơ mất nước thì cần làm kẻ dân hèn cho yên thân cũng chẳng được.)

<sup>1</sup> Vô tự: không có con nối đời.

<sup>2</sup> Thành: nên, bại: thua.

<sup>3</sup> San hà, hay sơn hà: núi sông, ý nói các triều đại thay đổi.



## Tam bảo văn chương

---

Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,  
Ngọn bút son, sống, thác ở tay.  
Kinh luân gom một túi đầy,  
Đã đem Quản, Nhạc,<sup>1</sup> lại ngày Y, Chu,<sup>2</sup>

Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,  
Trăm loài ma, mồ nắm chung quanh.  
Ngàn vàng khôn đổi được mình,  
Lầu cao viện hát tan tành còn đâu!

Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,  
Biết lấy ai bát nước chén nhang!  
Cô hồn thất thế dọc ngang,  
Nặng oan khôn lẽ tìm đàng hóa sanh!

Kìa những kẻ bày binh, bố trận,  
Đổi mình vào lấy ấn nguyên hung.  
Gió mưa sấm sét đùng đùng,  
Dãi thây trăm họ làm công một người.

Khi thất thế, tên rơi đạn lạc,  
Bãi trường sa<sup>3</sup> thịt nát máu trôi.  
Mênh mông góc bể, bên trời,

---

<sup>1</sup> Quản Trọng nước Tề, Nhạc Nghị nước Yên đều là những quan tướng quốc có danh đời Đông Chu.

<sup>2</sup> Y Doãn nhà Thương, Chu Công nhà Chu đều được tôn xưng là bậc thánh.

<sup>3</sup> Trường sa: bãi cát dài.

Nằm xương vô chủ<sup>1</sup> biết nơi chốn nào!  
Trời xâm xắm mưa gào, gió thét,

Khí âm huyền mờ mịt trước sau.  
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,  
Nào đâu điếu, tế,<sup>2</sup> nào đâu chưng, thường?<sup>3</sup>

Cũng có kẻ tính đường trí phú,<sup>4</sup>  
Mình làm, mình nhịn ngủ, kém ăn.  
Ruột rà không kẻ chí thân,<sup>5</sup>  
Dẫu làm nên để dành phần cho ai?

Khi nằm xuống không ai nhấn nhủ,  
Của phù vân<sup>6</sup> có cũng như không!  
Sống thời tiền chảy bạc dòng,  
Thác không đem được một đồng nào đi.

Khóc ma mượn thương gì hàng xóm?  
Hòm gỗ da bó đóm đưa đêm!  
Ngẩn ngơ trong quăng đồng chiêm.  
Tàn hương, giọt nước biết tìm vào đâu.

---

<sup>1</sup> Vô chủ: không có người làm chủ.

<sup>2</sup> Điếu: viếng thăm, tế: cúng tế.

<sup>3</sup> Lễ tế về mùa đông gọi là chưng, lễ tế về mùa thu gọi là thường.

<sup>4</sup> Trí phú: làm nên giàu có.

<sup>5</sup> Chí thân: rất thân.

<sup>6</sup> Phù vân: đám mây nổi, tỷ với sự sang giàu bất nghĩa, như đám mây nổi, tụ rồi sẽ tan. (Luận ngữ)

## Tam bảo văn chương

---

Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,  
Dấn mình vào thành thị lân la.  
Mấy thu lia cửa, lia nhà,  
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân.<sup>1</sup>  
Dọc hàng quán phải tuân mưa nắng,  
Vợ con nào nuôi nắng kiêng khem.  
Vội vàng liệm sấp, chôn nghiêng,  
Anh em: thiên hạ; lảng giềng: người dung.

Bóng phần tử<sup>2</sup> xa chùng hương khúc,<sup>3</sup>  
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.  
Cô hồn nhờ gởi tha hương,<sup>4</sup>  
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng!

Cũng có kẻ vào sông ra bể,  
Cánh buồm mây chạy xé gió đông.  
Gặp cơn giông tố giữa dòng,  
Đem thân chôn rắp vào lòng kinh, nghề.<sup>5</sup>

Cũng có kẻ đi về buôn bán,  
Đòn gánh tre chín rạn hai vai.

---

<sup>1</sup> Cổ thi: Văn chương khả trí thân. (Văn chương có thể giúp nên người.)

<sup>2</sup> Phần: cây phần, tử: cây tử, chỉ là làng nhà quê, vì chánh khu vực đời xưa về các làng thường trồng hai thứ cây ấy làm cõi.

<sup>3</sup> Hương khúc: làng khác.

<sup>4</sup> Tha hương: làng khác, ý nói đi phương khác không còn được ở nơi quê quán.

<sup>5</sup> Kinh, nghề: hai giống cá lớn hung dữ ở biển, hay làm chìm thuyền bè để ăn thịt người.

Gặp cơn mưa nắng khí trời,  
Hồn đường, phách xá lạc nơi nao?

Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,  
Bỏ cửa nhà, gồng gánh việc quan.  
Nước khe, cơm vắt gian nan,  
Dãi dầu ngàn dặm, lấm than một đời!

Buổi chiến trận mạng người như rác,<sup>1</sup>  
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.  
Lập lòe ngọn lửa ma trời,  
Tiếng oan vắng vắng tối trời càng thương.

Cũng có kẻ lữ làng một kiếp,  
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.  
Ngẩn ngơ khi trở về già,  
Ai chồng con tá, biết là cậy ai?

Sống đã chịu một đời phiền não,  
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.<sup>2</sup>  
Đau đớn thay phận đàn bà,  
Kiếp sanh ra thế biết là tại đâu!

---

<sup>1</sup> Thơ Chinh phụ: Cổ lai chinh chiến nhân, tách mạng khinh như thảo.  
(Người trong trường chiến thuở nay, tách mạng nhẹ như cỏ rác).

<sup>2</sup> Người miền Bắc cúng cô hồn thường chấp những lá đa làm cái đài, múc cháo vào đó mà cắm tại các lề đường, có ý bố thí cho những hồn con nít và những hồn tàn tật.

## Tam bảo văn chương

---

Cũng có kẻ nằm cầu, gối đất,  
Đổi tháng ngày hành khát<sup>1</sup> ngược xuôi.  
Thương thay cũng một kiếp người,  
Sống nhờ hàng xú, chết vùi đường quan!

Cũng có kẻ mắc đoàn tù giặc,  
Gởi mình vào chiếu rách một manh.  
Năm xương chôn rập góc thành,  
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?

Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,  
Lỗi giờ sanh, lìa mẹ, lìa cha.  
Lấy ai bông bế xót xa,  
U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.

Cũng có kẻ chìm sông, lạc suối;  
Cũng có người sẩy cội, sa cây;  
Có người leo giếng đứt dây,  
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.

Người thì mắc sơn tinh, quý quái,  
Người thì xông nanh hổ, ngà voi.  
Có người hay để không nuôi,  
Có người sa sẩy, có người khốn thương.

---

<sup>1</sup> Hành khát: đi ăn xin.

Gặp phải lúc đi đường lỗ bước,  
Cầu Nại Hà<sup>1</sup> kể trước người sau.  
Mỗi người một nghiệp khác nhau,  
Hồn xiêu, phách lạc biết đâu bây giờ!

Hoặc là ẩn ngang bờ, dọc bụi,  
Hoặc là nương ngọn suối, chân mây.  
Hoặc là điểm cỏ, bóng cây,  
Hoặc là quán nọ, cầu này bơ vơ.

Hoặc là nương thần từ<sup>2</sup> Phật tự,<sup>3</sup>  
Hoặc là nhờ đầu chợ, cuối sông.  
Hoặc là trong quăng đồng không,  
Hoặc là gò đống, hoặc vùng lau tre.

Sống đã chịu một bề thảm thiết,  
Ruột héo khô, da rét căm căm;  
Dãi dầu trong mấy muôn năm,  
Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.

---

1 Nại hà: Theo Tuyên thất chí, Đổng Quán chết, hồn đi đến một dòng nước bề rộng chỉ lối vài thước, nguồn tự địa phủ lại, chảy qua phía tây nam, nước đều là máu và hôi tanh không chịu nổi, tục gọi tên là Nại hà (Sông Nại). Lại sách Cô Lục chép: Sông Nại ở phía tả núi Cao Lý, trên có nhịp cầu, đời truyền rằng: người ta chết đi mà hồn nhiều tội lỗi thì không qua được cầu ấy cho nên gọi là Nại hà kiều (Cầu không thể sang được).

<sup>2</sup> Thần từ: đền thờ thần.

<sup>3</sup> Phật tự: chùa thờ Phật.

## Tam bảo văn chương

---

Nghe gà gáy, tìm đường lánh ẩn,  
Lặn mặt trời, lặn thần tìm ra.  
Lôi thôi, bông trẻ, dất già,  
Có khôn thiêng hãy lại mà nghe Kinh.

Nhờ phép Phật siêu sinh Tịnh độ,<sup>1</sup>  
Phóng hào quang<sup>2</sup> cứu khổ<sup>3</sup> độ u.<sup>4</sup>  
Ráp hòa tứ hải<sup>5</sup> quần chu,<sup>6</sup>  
Nào phiền trút sạch, oan thù rửa không.

Nhờ đức Phật thân thông quảng đại,  
Chuyển Pháp luân<sup>7</sup> tam giới<sup>8</sup> thập phương.<sup>9</sup>  
Nhơn nhơn Tiêu Diện Đại vương,<sup>10</sup>

---

<sup>1</sup> Siêu sinh Tịnh độ: thoát qua cõi trần mà sanh vào đất trong sạch, là nơi Phật và Bồ Tát ở. Chữ thổ (土), tục quen đọc là độ.

<sup>2</sup> Hào quang: tia sáng chiếu ra bốn phía, là biểu hiệu quang minh của Phật.

<sup>3</sup> Cứu khổ: cứu sự khổ não.

<sup>4</sup> Độ u: dẫn qua khỏi chỗ tăm tối.

<sup>5</sup> Tứ hải: bốn biển.

<sup>6</sup> Quần chu: các châu.

<sup>7</sup> Pháp luân: bánh xe pháp. Phật thuyết pháp độ sinh giống như làm xoay chuyển bánh xe pháp.

<sup>8</sup> Tam giới: Ba cõi là: 1. Cõi dục, nơi các thiên, nhân đều có tình dục; 2. Cõi sắc, nơi các thiên, nhân chỉ có hình sắc mà không còn có tình dục. 3. Cõi vô sắc, nơi các thiên, nhân sắc tướng đều không còn gì nữa, được cảnh vui vô cùng.

<sup>9</sup> Thập phương: mười phương, sách Phật cho bốn phương chánh (đông, tây, nam, bắc), bốn phương giáp và trên trời, dưới đất (tứ duy, thượng, hạ) là mười phương.

<sup>10</sup> Tiêu Diện Đại Vương: là vị thần chấn tế chúng sanh.

Linh kỳ<sup>1</sup> một lá dẫn đường chúng sanh.  
Nhờ phép Phật uy linh đồng mãnh,  
Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.  
Mười loài bất kể loài nào.  
Gái, trai, già, trẻ đều vào nghe kinh.

Kiếp phù sanh như hình, như ảnh,  
Có chữ rằng: Vạn cảnh giai không.<sup>2</sup>  
*Ai ơi lấy Phật làm lòng,*  
*Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.<sup>3</sup>*

Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,<sup>4</sup>  
Của có chi, bát cháo, nén nhang,  
Gọi là manh áo, thoi vàng,  
Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.

Ai đến đó, dưới trên ngồi lại,  
Của làm duyên, chớ ngại bao nhiêu.  
Phép thiêng biến ít thành nhiều,  
Trên nhờ Tôn giả<sup>5</sup> chia đều chúng sanh.

<sup>1</sup> Linh kỳ: lá cờ thiêng.

<sup>2</sup> Vạn cảnh giai không: muôn cảnh đều thành không.

<sup>3</sup> Luân hồi: vòng xoay chuyển không bao giờ ngừng, sách Phật nói: Chúng sanh trên thế giới từ xưa đến nay cứ sống thác lần hồi ở trong Lục đạo, như bánh xe quay tròn không bao giờ ngừng, duy có người thành đạo là dứt được nỗi khổ ấy.

<sup>4</sup> Phật giáo: lời dạy của Phật.

<sup>5</sup> Tôn giả: bậc tu hành chân chánh, cứu độ, bố thí cho chúng sanh.



## Tam bảo văn chương

---

Phật hữu tình từ bi phổ độ,  
Chớ ngại rằng có có chằng chằng.  
Nam mô Đà Phật, Pháp, Tăng,  
Độ cho nhất thiết siêu thăng linh hồn.

Nam mô Bồ Tát, Thế Tôn,  
Tiếp dẫn cô hồn Tịnh độ siêu sanh.

Kệ rằng:

*Hàn lâm sở lý dạ trầm trầm,  
Ái ngại cô hồn khổ não thâm!  
Tịch diệt phong trần vô lượng cúng;  
Hy hâm hưởng thọ hữu thường lâm.*

*Kim tiêu hạnh ngộ Bồ-đề quả;  
Chúng đấng đương thi hoan hỷ tâm.  
Chỉ chí Thiên đàng phi huyễn lộ,  
Quân môn giải thoát xuất hàn lâm.*

Nam mô Sanh Tịnh độ Bồ Tát Ma-ha-tát!

---

ÔNG NHÂN, ÔNG KHÔNG NHÂN

Tú Xương

*Bài này tuy là dịch từ chữ Hán dịch ra, song xem cho kỹ độc giả sẽ thấy có cái phong vị của những truyện truyền kỳ Thiên Trúc.<sup>1</sup> Như vậy rất có thể trước đây gốc là chữ Phạn, do các nhà truyền giáo đưa sang Trung Quốc, rồi sau mới được dịch sang chữ Hán.*

*Đức nhân là một đức lớn trong đạo Phật, có thể giúp người đạt đến chỗ giải thoát.*

Trời thu hiu hắt gió vàng,  
Rặng lau hoa nở, đôi hàng lá thưa.  
Thơ đường<sup>2</sup> nhân lúc hứng thừa,  
Vui lòng mượn bút lọc lừa ngâm nga...

Thấy trong lục<sup>3</sup> cũ truyền ra,  
Thiệt, hư chưa tỏ, gần xa chưa tường.  
Tiếc là tựa lối theo đường,  
Cứ trong tích trước rõ ràng chép chơi:

Tích xưa nghe có một người,  
Gia tư điền sản phỏng vờ thích trung.

---

<sup>1</sup> Thiên Trúc: Túc Ấn Độ, nơi Phật dẫn sanh.

<sup>2</sup> Thơ đường, hay thi đường, là cái nhà nơi đọc sách, làm thơ, cũng như thơ phòng.

<sup>3</sup> Lục: sách, như cổ lục: sách xưa.

## Tam bảo văn chương

---

Một ông đức hạnh lạ lùng,  
Chẳng hay làm sự ngoài vòng phi vi.<sup>1</sup>

Tánh hằng nhẫn nhục từ bi,  
Thiệt hơn chẳng chút tranh thi cùng người.  
Dù ai cả tiếng dữ lời,  
Làm thình, gãi tóc, đập tai ra về.

Một ông thì lại hay nề,  
Nết thì cả giận, nào hề nhịn ai.  
Cùng lòng chánh trực trời trai,  
Đã lòng hỷ xả, hiệp tài nở nang.

Cùng nhau kết bạn đá vàng,  
Cùng đi làm phúc Thập phương Ta-bà,<sup>2</sup>  
Chẳng nề chùa quán gần xa,  
Thấy đâu dột nát cửa nhà, hưng công.

Hai người đi đến ba đông,  
Bãi dâu xảy thấy non thung lạ đường.  
Đỉnh cao nghi ngút nghìn hàng,  
Dọn xanh ấy đá, chói vàng nọ hoa.

---

<sup>1</sup> Phi vi: điều sai trái

<sup>2</sup> Ta-bà: do chữ Phạn là *sahalokadhtu*, chữ Hán dịch âm là *Ta-bà* (娑婆), dịch theo nghĩa là *Kham nhẫn* (堪忍), là cõi thế giới mà chúng sanh nhẫn chịu mọi sự phiền não khổ sở, chỉ thế giới của chúng ta đang sống đây.

Huệ lan đôi khóm rườm rà,  
Hóa long trúc đã thiết da điểm môi.  
Suối đàn cuộn nước cùng vui,  
Chim rừng làm tổ tranh môi líu lo.

Rồng nam phun nước thập thò,  
Thông thì thổi gió ỳ ù cheo leo.  
Một chùa bỗng thấy bên đèo,  
Bốn bề đá chồm rồng leo ngất tường.

Trong chùa chói lói chữ vàng,  
San hô, hổ phách cột giường khảm quanh.  
Bốn bề cảnh vật khoe thanh,  
Muôn gian ngàn nóc thênh thênh rộng dài.

Nhìn xem chẳng khác Bồng Lai,  
Đã nên một cảnh trần ai tích chùng.  
Hai người đến đấy lòng mừng,  
Vào chùa lễ Phật, đều chung tu hành,

Tháng ngày nấu tiếng ả danh,  
Gió xuân đỡ quạt, trăng thanh thay đèn.  
Khát thì uống nước cam tuyền,<sup>1</sup>  
Đói thì lại nếm đào tiên qua thì.

---

<sup>1</sup> Cam tuyền: suối nước ngọt.

## Tam bảo văn chương

---

Niệm kinh, lắng kệ đòi khi,  
Vui niêm Phật pháp sớm khuya chẳng nài.  
Biết rằng xuân tới hoa khai;  
Thu sang lá rụng, chẳng sai tơ hào.

Tháng ngày luống những ước ao,  
Vui bề đạo đức, biết nào Kỷ, Canh<sup>1</sup>  
Hai ông tu đầy đã đành,  
Cùng khuyên nhau ở lòng lành mới nên.

Ở lâu cầm thú liên quen,  
Con vào hái quả, con lên dâng trà.  
Chúng cầm đã ở chiền già,<sup>2</sup>  
Lòng ông Năng Nhẫn hiền hòa yêu đang.<sup>3</sup>

Cho ăn, cho uống, giữ gìn,<sup>4</sup>  
Rác thì quét tước, sửa sang một mình.  
Ra vào mặc chúng tung hoành,  
Chẳng hề nặng đến chúng sanh một lời.  
Dù lòng chúng vật chơi bời,  
Đã trong Thượng diện lại ngoài Tam quan.

---

<sup>1</sup> Kỷ, Canh: năm Kỷ hay là năm Canh, ý nói không quan tâm đến năm tháng.

<sup>2</sup> Chiền già: như chùa chiền, tức là nơi Phật tử nói chung.

<sup>3</sup> Cũng như yêu đương, yêu thương.

<sup>4</sup> Giữ gìn

Một ông thấy chúng lằng lộn,  
Khôn chữa vết cũ, tức gan thay là.  
Ngày ngày đánh đánh khua ra,  
Mắng rằng rác ráy chiến già vì bay.  
Cũng nhiều phải cái quá tay,  
Lòng ông Năng Nhẫn thương thay muôn phần!

Khuyên ông Bất Nhẫn đòi danh:  
Kẻ đà làm phúc xả thân<sup>1</sup> tu hành,  
Còn làm những sự chẳng lành,  
Hư công vả lại uổng danh thay là.

Chẳng bằng nhẫn nhục hiền hòa,  
Từ bi hỷ xả, vốn ta ghi lòng.  
Để cho dày thừa âm công<sup>2</sup>  
Thân sau lại sửa hóa rồng chút chẳng.

Ấy là lời thiệt trình rằng,  
Xin đừng làm sự lằng nhằng nữa là.  
Cùng nhau đều trở lại nhà,  
Sớm kinh, tối kệ xướng hòa chẳng khuây.

Bạn cùng non nước, cỏ cây,  
Hay đâu trời đất vẫn xây mấy đời.

---

<sup>1</sup> Xả thân: đem thân mình bỏ ra để bố thí, là thái độ của người tu hành chân chính trong đạo Phật.

<sup>2</sup> Âm công: công đức ngấm ngầm.

## Tam bảo văn chương

---

Đạo cao, đức rộng tốt vời,  
Đã mười lần hóa lại mười lần sinh.

Đều cùng được phép tiến linh,<sup>1</sup>  
Lốt phàm lột khỏi nhẹ mình lưng lưng.  
Ăn chẳng không<sup>2</sup>, ý cũng dừng,  
Chẳng hề đói khát, rủng rưng<sup>3</sup> tháng ngày.

Ông kia nét cũ chưa khuây,  
Thấy loài cầm thú còn hay giận cùng.  
Một hôm Chư Phật hội đồng,  
Phán rằng hai ấy<sup>4</sup> tu công đã chầy.

Đạo nhân đức trọng cao dày,  
Song còn người nọ chưa hay nhẫn lòng.  
Âu là người ấy hãy không,  
Hẳn cho Năng Nhẫn<sup>5</sup> lên thông tòa vàng.

Bàn xong, biện bạch tỏ tường,  
Long xa, phụng liễn<sup>6</sup> nghênh ngang tống hoàn.  
Lũ thì bảo cái tràng phan,<sup>7</sup>  
Ngất trời rợp bóng dù tàn bể sen.

<sup>1</sup> Tiến linh: có thể xuất thân hóa thân linh hiển.

<sup>2</sup> Ăn hay không ăn.

<sup>3</sup> Như dửng dưng

<sup>4</sup> Hai ấy, tức hai người ấy, hai ông ấy.

<sup>5</sup> Hẳn cho năng nhẫn. Hẳn cho: hãy cho; Năng Nhẫn: biết nhịn, tên gọi ông biết nhẫn nhục.

<sup>6</sup> Long xa: xe rồng; phụng liễn: kiệu phụng.

<sup>7</sup> Bảo Cái: Lọng báu. tràng phan: phướng dài.

Kiếp vào đến trước cửa chiền,<sup>1</sup>  
Rước ông Năng Nhẫn vào đèn lưu ly.<sup>2</sup>  
Phong làm Bồ Tát ngự vì,  
Ông kia thấy vậy lòng thì buồn thay!

Song le tu Đạo đã chầy,  
Đằng vân giá võ cũng hay phép thần.  
Tức thì nương gió dời chân,  
Xăm xăm thẳng bước tới sân Phật đài.

Bước vào quỳ dưới ngọc giai,<sup>3</sup>  
Khấu đầu bèn kể mọi lời khúc nôi.<sup>4</sup>  
Rằng tôi từ thuở ra đời,  
Cùng ông Năng Nhẫn hai người kết thân.

Đi làm phúc khắp xa gần,  
Ba đông<sup>5</sup> bèn mới mai chân<sup>6</sup> cửa Chiền.  
Hằng từ đạo đức tăng thiên,  
Vui bề Phật pháp những quên cửa nhà.

Lẽ thì ơn Phật lòng xa,  
Anh em cùng được một tòa vinh phong.

<sup>1</sup> Cửa chùa.

<sup>2</sup> Lưu Ly Điện: Tên đèn nơi cửa Phật, trang sức bằng ngọc lưu ly.

<sup>3</sup> Ngọc giai: thêm ngọc.

<sup>4</sup> Khúc nôi: tuần tự mọi tình tiết.

<sup>5</sup> Ba đông: ba mùa đông, tức là ba năm.

<sup>6</sup> Mai chân: dừng chân.



## Tam bảo văn chương

---

Cớ sao kẻ được, người không?  
Dám xin xem xét cho cùng kẻ oan.

Phật rằng: Sự đã luận bàn  
Hai người tu đạo đã ngoan, đã chầy.  
Song người nhẫn nhục chưa hay,  
Cho nên chưa được sánh bầy<sup>1</sup> tòa sen.

Bạch rằng: Tội ấy đã nên,  
Bây giờ Phật phán ở đền làm sao?  
Hay là tu lại thế nào.  
Mà cho được dự bước vào lưu ly?

Phán rằng: Nào có khó gì,  
Non kia tụ điểu<sup>2</sup> gần thì chẳng xa.  
Gìn lòng nhẫn nhục thì là,  
Chẳng là nhẫn nhục, thì ta trở về.

Lên non đứng đấy một bề,  
Ba năm ba tháng chớ hề giận ai,  
Thì cho vào chốn Phật đài.  
Vâng lời Phật phán bèn dời chân ra.

Cách non phỏng hãy còn xa,  
Tiếng chim eo óc nghe đà ỏi<sup>3</sup> tai.

---

<sup>1</sup> Sánh cùng, cùng một hạng.

<sup>2</sup> Tụ điểu: bầy chim tụ họp nơi núi ấy.

<sup>3</sup> Ỏi, như inh ỏi.

Xăm xăm bước đến nửa vời,  
Trèo lên đỉnh núi đứng nơi thạch bàn.<sup>1</sup>

Dãi dầu nắng sém mưa chan,  
Ước mong thấu đến Tam quan Phật đài.  
Tân toan<sup>2</sup> khổ ải chẳng nài,  
Cứ lời Phật phán dám sai chút nào.

Chim đều đậu khắp vai, đầu,  
Tổ làm rừng rục trước sau trọn ngày.  
Chim con theo mẹ tập bay,  
Vẫy vùng nhảy nhót thâu ngày<sup>3</sup> gọi nhau.

Dậy đường chuyển động trên đầu,  
Cứ lời Phật phán dễ hầu dám xao.  
Đêm ngày luống những ước ao,  
Đốt tay tính sắp lý đào khai hoa.

Đến tuần trăng mãn, trăng tà,  
Đành hay tháng trọn, biết là niên chung.  
Ra ngoài hai tháng ba đông,<sup>4</sup>  
Mười lăm ngày nữa thì công hoàn thành.

Ở lành gặp sự chẳng lành,  
Đôi chim chình chích trên cành bảo nhau.

---

<sup>1</sup> Thạch bàn: hòn đá phẳng như mặt bàn.

<sup>2</sup> Tân toan: tân: cay, toan: chua, chua cay ý nói chuyện khó chịu.

<sup>3</sup> Thâu ngày: suốt ngày. Như nay ta vẫn dùng thâu đêm.

<sup>4</sup> Tức ba năm hai tháng.

## Tam bảo văn chương

---

Ta đừng tha rác chi lâu,  
Kìa kìa đã sẵn trên đầu người kia.

Cùng nhau riu rít bay về,  
Liên làm tổ bé ở kê bên tai.  
Nhỏ nhen chẳng dám gần ai,  
Vợ chồng để ấp hôm mai một mình.  
Bốn con tốt tốt sơ sinh,<sup>1</sup>  
Chồng liền dặn vợ tâm tình khúc nô:  
Giữ con chẳng khá khi nguôi,<sup>2</sup>  
Để anh sẽ liệu kiếm mồi cho ăn.

Bay xuôi, bay ngược xa gần,  
Chẳng hề có được nghỉ chân ở nhà.  
Hết gần lại dạo miền xa,  
Kiếm cho con trẻ, đàn bà đủ no.

Một mình hầu mượn ai lo,  
Tối về thì lại dặn dò, hỏi han.  
Sớm thì chấp cánh bằng ngàn,  
Thương con, xót vợ, tâm toan chẳng nài!

Đến tuần con đã ra ngoài,  
Nể chồng, chim cái ngỏ lời vâng vi.  
Rằng: Anh tối lại, sớm đi,  
Nhọc nhằn mưa nắng, thiệp thì ở không.

---

<sup>1</sup> Sơ sinh: mới sinh ra.

<sup>2</sup> Nguôi: ngưng, dừng nghỉ.

Rày con cũng đã đủ lông,  
Nghỉ chân, thiệp sẽ cất công dỡ chàng.  
Chim đực rằng: Chớ nói quàng,  
Em còn non nớt, nắng sương phong hàn.  
Nào anh có quản lằm than,  
Vợ lành, con lớn thì an dạ này.  
Phỏng đà qua được ba ngày,  
Tối về, chim cái lại nài xin đi.

Thấy lòng vợ đã nản nì,  
Nhủ rằng: Mặc ý, anh thì giữ con.  
Nói rồi, chim cái liền bon,<sup>1</sup>  
Lạ lòng phong thổ, nước non biết gì.

Tìm môi bay lại, bay đi,  
Vấn vợ chẳng biết rằng thì ở đâu.  
Bay quanh đã một ngày thâu,  
Chẳng hề có một cái sâu, cái ruồi.

Non đoài<sup>2</sup> hầu lặn mặt trời,  
Chông mong, con đói, dỡ thôi lại mòng.  
Dường như lửa chất bên lòng,  
Thương con vả lại sợ chông giận chằng.

Khi trời tối đến liên băng,  
Thấy hoa sen nở, nhện giăng tổ ngoài.

---

<sup>1</sup> Bon: đi ngay.

<sup>2</sup> Phương tây

## Tam bảo văn chương

---

Lòng mừng bay thẳng đến nơi,  
Nhện kinh thoát đã chạy đời vào trong.

Đuổi theo vào giữa liên phòng,<sup>1</sup>  
Mãi ham bắt nhện mơ mòng biết chi.  
Hay đầu sen cũng như quỳ,  
Âm thì hợp lại, dương thì nở ra.

Yếu thơ, con trẻ đàn bà,  
Phải chờ bạch đán khai hoa<sup>2</sup> mới về.  
Đến nhà con khóc như ri,  
Chồng thì chẳng có ử ê một điều.

Tắc lòng lo sợ trăm chiều,  
Dỗ con thôi mới đánh liều tới nơi.  
Chồng rằng: Đã thỏa sự đời,  
Lênh đênh thuyền bách<sup>3</sup> sóng khơi mặc dù.

Hẹn hò đã phỉ sở cầu,  
Một mình ai dễ biết đâu là chừng!  
Chạnh lòng chim cái ngập ngừng,  
Than thân, rằng: Khế lộn gừng chua cay!

---

<sup>1</sup> Liên phòng: buồng sen.

<sup>2</sup> Bạch đán khai hoa: buổi sáng rõ nở hoa.

<sup>3</sup> Do chữ: Phiếm bách châu (Lênh đênh thuyền gỗ trắc) ở thơ Bách Châu, Kinh Thi, nghĩa là người đàn bà kiên trinh như chiếc thuyền gỗ trắc bền vững, chịu đựng được hoàn cảnh long đong giữa cơn sóng gió.

Bây giờ sự đã đường này,  
Lay chồng thôi lại bày ngay mọi lời:  
Thấy chàng chen chúc ngược xuôi.  
Xót chàng thiếp phải bước dòi chân ra.  
Song le thơ yếu đàn bà,  
Vả thêm non nước gần xa lạ lòng.  
Trọn ngày mỗi hã còn không,  
Tối về thấy nhện liên phòng giăng tơ.

Mãi tham bắt nhện nào ngờ,  
Khí âm hòa hợp thì vừa khôn ra.  
Trước sau sự đã thật thà,  
Há rằng thiếp dám sai ngoa điều nào.

Chim đực rằng: Sự lạ sao?  
Hoa dâu lại có hợp vào nở ra.  
Thôi thôi hã trở về nhà,  
Sự đà có đấy ắt là khỏi dôi.

Hôm nay đã được nhiều môi,  
Con thì no dạ đều ngời, khỏi lo.  
Thấy chồng mai mả nhỏ to,  
Dẫu ngay ai kẻ hỏi cho được tường.

Tác lòng thăm thiết tư lương,  
Mặt hoa thêm đượm hai hàng mưa sa.

## Tam bảo văn chương

---

Nói thôi bèn trở về nhà,  
Đỗ cành, chim đục thiết tha một mình.

Giận sao vợ ở bạc tình,  
Bèn đem hát thử hoa tình câu chơi.  
Hát rằng: Gần bển, xa rời,  
Một chẵn đắp được mấy người tri âm?

Trong nhà đã sẵn hoàng cầm,  
Song le lại muốn nhân sâm nước người.<sup>1</sup>  
Đàn hay kho Tạo chẳng với,  
Pha phôi ai dễ biết nơi cỗi bờ.

Thương vì chút phận con thơ,  
Cho nên trải chiếu đắp dơ trăm chiều.  
Ưả là chơi đã đến điều,  
Bạn sen đà phỉ hết điều nói năng.

Nghe thôi chim cái nghĩ rằng:  
Đã nên một sự vô bằng mất đôi.  
Sự oan biết thuở nào nguôi,  
Âu là phải trả khúc nô mấy lời.

Hát rằng: Vào sóng ra khơi,  
Một mình ai kẻ biết với sâu nông.

---

<sup>1</sup> Hoàng cầm, nhân sâm: là tên hai vị thuốc Bắc.

Tử sanh ngõ vẹn chữ đồng,<sup>1</sup>  
Nào hay nhìn đến mệnh mông trăm chiều.  
Thôi thôi sương tuyết đã nhiều,  
Càng cao tuổi tác, càng nhiều mả mai.  
Bây giờ tía lạc hồng phai,  
Cho nhau những tiếng đờn sai vào mình.

Lọ là phải nói tận tình,  
Nghe lời thì biết, xem hình thì hay.  
Hát thôi chim đực giận thay,  
Nhủ rằng: Trong ấy, gian ngay đã liều.  
Đất kia mà ném ao bèo,  
Dao kia rạch nước hết điều đôi co.  
Ngõ là phải lưới, mắc dò,  
Ai ngờ hoa hợp, kể cho làm kỳ.  
Thôi đừng hát khảm làm chi,  
Vào nhà nghỉ khỏe mai đi kiếm môi.  
Thấy chồng ngờ vực chưa thôi,  
Tức gan, chim cái khôn ngòi, chạy ra.  
Đến gần lạy đã trình qua:  
Vợ chồng là nghĩa ruột rà ngàn năm.  
Đã nguyên kinh bố,<sup>2</sup> thạch châm,<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Chữ đồng: là chữ đồng tâm, vợ chồng đồng lòng với nhau.

<sup>2</sup> Kinh: là kinh thoa, cây thoa bằng gai; Bố: là bố quần, tấm quần bằng vải. Lấy tích mà bà Mạnh Quang ăn vận quê mùa tiện tặn, đồng tâm với chồng là ông Lương Hồng (Hậu Hán thư).

<sup>3</sup> Thạch: là từ thạch, đá nam châm; Châm là thiết châm, cây kim bằng sắt. Lấy nghĩa từ thạch dẫn châm (đá nam châm dẫn cây kim), tử về lẽ đồng khí theo nhau, tức như vợ với chồng vậy.



## Tam bảo văn chương

---

Dám đầu bả lả<sup>1</sup> âm thầm riêng ai.  
Niêm gian phó quý thân hay,  
Nâng mâm, cầm chổi<sup>2</sup> xưa nay một bề.  
Đắng cay, chua chát chẳng nề,  
Ước cầu cho vẹn, lời thề cho xong.

Thiếp dù ở chẳng hết lòng.  
Lại nguyên như đá đợi chồng đứng đây.<sup>3</sup>  
Thầy<sup>4</sup> nghe nó nói giận thay,  
Mắng rằng: Chim chóc chúng bay nói càn.

Vốn tao nét dữ đã quen,  
Cứ lời Phật phán về ngàn từ bi.  
Dù bay xẩy có việc gì,  
Cớ sao mà lại nói chì đến tao.

Tao mong lên cõi đài cao,  
Cho nên tao mới ra vào đứng đây.

---

<sup>1</sup> Bả lả: cợt nhả, cười nói không đúng đắn.

<sup>2</sup> Hán thư: Lữ Thái Công nói với ông Lưu Quý rằng: Thần hữu tức nữ, nguyện vi kị trử thiếp. (Tôi có đứa con gái ruột, xin cho làm nàng hầu kị, chổi.) ý là xin gả cho làm vợ mà cầm kị, cầm chổi quét nhà hốt rác hầu chồng.

<sup>3</sup> Lấy tích Vọng Phu Thạch (đá trông chồng). Theo U Minh Lục, tại trên núi Bắc Sơn nơi quận Võ Xương, Trung Quốc có hòn đá như hình người đứng, tục truyền rằng: Xưa có người đàn bà đưa chồng đi tòng quân, đứng trên núi ấy ngó theo mà chết, hình hóa làm hòn đá. Ở đây, con chim cái ngỡ ông đạo là đá vọng phu.

<sup>4</sup> Tức là ông Không Nhẫn đang đứng đó.

Tổ làm, con để mặc bây,  
Từ bi, nhấn nhục xưa nay ghi lòng.

Làm sao lại có đợi chồng,  
Mà cho mây lại vợ chồng ví von?  
Xưa lên cây được bốn con,  
Cùng hai trai gái kiêu tròn như vo.

Vật vào hòn đá dương cô,  
Thương ôi! chim chích nên tro còn gì  
Trên đầu mấy tổ dứt đi.  
Cối mây nương gió, tốc về Tây Phương.

Bước vào tới trước tòa vàng,  
Phật liền phán hỏi mọi đường xưa sau.  
Dư ngày dự đã về châu,  
Liên quỳ, bèn mới ngỏ tâm mọi lời:

Con vâng Phật phán tới nơi,  
Đã trong ba tháng, lại ngoài ba năm.  
Trên đầu chim để dư trăm,  
Cứ lời Phật phán dám làm một phen?

Hằng trông cho được toàn thân,  
Đôi chim chinh chích tổ gần bên tai.  
Ghen tương lắm sự gái trai,  
Chẳng như lại ví thân ai đợi chồng.

## Tam bảo văn chương

---

Giận, con đã sốt cả lòng,  
Bốn con cho lẫn vợ chồng xua tay.  
Ấy là lời thiệt bày ngay,  
Dám xin truyền phán lẽ này làm sao?

Công con khó nhọc tiêu hao,  
Tòa vàng may được chút nào cùng chẳng.  
Phật rằng: Làm sự chẳng hăng,  
Sát sanh thôi lại nói năng ấy gì?

Có đường, có nẻo thì đi,  
Già lam<sup>1</sup> yết đẩy tức thì đuổi ra.  
Giận thay liền trở về nhà,  
Quyết rằng tìm cảnh yên hà<sup>2</sup> thông dong.  
Non Bồng nước Nhược<sup>3</sup> dù lòng,  
Vui bề sơn thủy, lánh vòng trần gian.

*Truyện này chẳng lọ luận bàn,  
Ai xem thì khá tu hành nết na.*

---

<sup>1</sup> Già lam: chỉ ngôi hòa.

<sup>2</sup> Yên: khói mây; Hà: ráng trời, chỉ là cảnh núi non tịch mịch.

<sup>3</sup> Bồng Sơn, Nhược Thủy: là nơi non nước cảnh tiên.

---

## VĂN SÁM PHÁT NGUYỆN

### Bài thứ nhất

*Nguyên văn của đức Từ Vân  
Huệ Lưu diễn nghĩa*

*Từ Vân phước đức lớn thay,  
Làm văn phát nguyện truyền nay lâu dài:*

Một lòng mỗi một chẳng nài,  
Cầu về Cực Lạc ngồi đài Liên hoa.  
Cha lành là Phật Di Đà,  
Tuôn hào quang tịnh chói lòa thân con.

Thắm sâu ơn Phật hằng còn,  
Con nay chánh niệm lòng son một bề.  
Nguyện làm nên đạo Bồ-đề,  
Chuyên lòng niệm Phật cầu về Tây Phương.  
Phật xưa lời thệ tỏ tường,  
Bốn mươi tám nguyện dẫn đường chúng sanh.

Thệ rằng: Ai phát lòng thành,  
Ta đem vật báu để dành các người;  
Thiện nam, tín nữ mọi người,  
Chí thành tưởng Phật niệm mười tiếng ra;  
Ta không rước tới nước ta,  
Ta không làm Phật, chắc là không sai.

## Tam bảo văn chương

---

Bởi vì tôn tượng Như Lai,  
Có duyên tưởng Phật, sống dai không cùng.  
Lời thề biển rộng mênh mông,  
Nhờ ơn Phật độ thoát vòng trần lao.

Tội mòn như đá mài dao,  
Phước lành thêm lớn càng cao, càng dày.  
Cầu cho mình thác biết ngày,  
Biết giờ, biết khắc, biết rày tánh linh.

Cầu cho sự khổ thoát mình,  
Lòng không luyến mến sự tình thế gian.  
Cầu cho thần thức thanh nhàn,  
Y như đức Phật thẳng đàng thuở sơ.

Đài vàng tay Phật nương chờ,  
Các ngài Bồ Tát bấy giờ đứng trông.  
Rước đi thật đã nên dòng,  
Nội trong giây phút thấy đồng về Tây.

Xem qua cõi Phật tốt thay,  
Hoa sen đua nở, tánh nay sạch trần.  
Hội này thấy Phật chân thân,  
Đặng nghe pháp nhiệm, tâm thần sáng trưng.

Quyết tu độ hết phàm dân.  
Giữ lời Phật thệ, Phật ân rộng dài.  
Phật thệ chắc thật không sai,

Cầu về Tịnh độ, nương dài Thích Ca.  
Đất ba bình đẳng<sup>1</sup> một nhà,  
Hoa sen đua nở là cha mẹ mình.  
Hoa nở rồi, biết tánh linh,  
Các ngài Bồ Tát bạn lành với ta.

*Huệ Lưu diễn nghĩa chép ra,  
Ai tu Tịnh độ thì ta sám cùng.*

## Bài thứ hai

*Nguyên văn của thầy Châu Hoàng  
Huệ Lưu diễn nghĩa*

*Châu Hoàng thầy hiệu Liên Trì,  
Làm văn phát nguyện chỉ qui một đường.*

Cúi đầu làm lễ Tây Phương,  
Tịnh Bang giáo chủ Phật vương Di-đà.  
Độ người vượt khỏi ái hà,<sup>2</sup>  
Dắt ra hầm lửa, nhảy qua nghi thành.

Tôi nay phát nguyện vãng sanh,  
Nguyện về Cực Lạc nên danh sen vàng.  
Ngửa trông vòi vọi Đạo tràng,  
Rủ lòng thương xót mà mang tôi về.

---

<sup>1</sup> Tam bình đẳng địa: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

<sup>2</sup> Ái hà: sông ái, tức là chìm đắm trong sự ái ân.

## Tam bảo văn chương

---

Tôi thương ba cõi đấm mê,  
Bốn ơn<sup>1</sup> càng trọng lo bề cứu nhau.  
Tưởng vì đời lấm thắm sâu,  
Quyết làm nên Đạo độ sau luân hồi.

Không trên<sup>2</sup> một bậc mà thôi,  
Sáng trưng đường lối, không đôi nào bì  
Nên tôi lòng gắng dạ ghi,  
Chuyên câu niệm Phật không khi nào rời.

Phật là đức cả khắp trời,  
Cứu người thoát tử, độ người thọ sanh.  
Còn lo nghiệp trọng, phước khinh.  
Chướng dày, huệ mỏng, phạm tình tối tăm.

Còn lo lòng nhiễm dễ lấm,  
Duyên trần chưa sạch, tánh thâm khó nên.  
Con nay tánh nguyện khởi lên,  
Gối dầm năm vóc,<sup>3</sup> thật bền lòng ngay.

Mở gan, trải dạ tỏ bày,  
Chí thành sám hối, trông ngày Phật thương.

---

<sup>1</sup> Tứ ân: 1. Phụ mẫu, 2. Chúng sanh, 3. Quốc vương, 4. Tam-bảo.

<sup>2</sup> Không trên: lấy nghĩa chữ vô thượng, không còn ai cao hơn nữa.

<sup>3</sup> Gối dầm năm vóc: lấy nghĩa chữ ngũ thể đầu địa, nghĩa là lạy xuống một cách hết sức cung kính, đầu và tứ chi đều sát đất.

Chúng con nhiều kiếp oan ương,  
Từ đời thuở trước không lường đến nay.

Bởi vì mê tối đại ngây,  
Sân si quen nết, cãi thầy dạy khuyên.  
Ví như ba nghiệp đảo điên,  
Dù cho nước biển rửa liền sạch đâu!

Than ôi tội nghiệp lớp đầu,  
Nguồn ân, biển ái, thăm sâu vô cùng!  
Ngửa trông đức Phật bao dung,  
Tội mòn, nghiệp hết sạch không hội này.

Quyết lòng niệm Phật, ăn chay,  
Chí tâm thề nguyện từ rày đến sau.  
Ví dù con có ở đâu,  
Lánh xa bạn dữ chẳng hầu tựa nương.

Gắng tu đạo Phật giữ thường,  
Thệ không thối chuyển mắc đường thai sanh.  
Nguyện sau tu luyện mau thành,  
Đặng mà cứu độ phàm tình thoát ra.

Cha lành là Phật Di Đà,  
Đem lòng quảng đại để mà độ con.  
Đoái thương mấy đoạn khúc nôi,  
Chúng tri đệ tử luân hồi oan khiên.



## Tam bảo văn chương

---

Cầu con đương buổi ngồi thiền,  
Trong lòng chánh niệm tin chuyên vững vàng.  
Cầu con giấc ngủ rõ ràng,  
Thấy Di Đà Phật hào quang rạng mình.

Cầu cho sắc tướng quang minh,  
Thấy Di Đà Phật tâm tình dặng an.  
Nguyện cầu lên cảnh Lạc bang,  
Thấy Di Đà Phật trên đàn giảng kinh.

Cam lồ Phật rưới đầu mình,  
Hào quang Phật chiếu thanh minh tâm thần.  
Cầu cho áo Phật đắp thân,  
Tay vàng Phật dỡ thoa lần đầu con.

Cầu cho chướng trước dứt chồi,  
Gốc lành thêm lớn, vun bồi tốt tươi.  
Cho con sạch hết việc đời,  
Trong lòng thanh tịnh như người Tây Phương.

Tánh linh, mầu nhiệm tỏ tường,  
Mau nghe Chánh pháp như gương trên đài.  
Mầu thiên thanh tịnh khoan thai,  
Tịnh quang cõi Phật thấy hoài không ngại.

Như con gần tới qua đời,  
Khiến cho linh tánh đặng con biết lần.  
Đừng cho bệnh khổ vào thân,  
Tử an, sanh thuận như thần ban xưa.

Đừng cho luyện mển dây dưa,  
Đứng mà thành Phật, Long Thơ Tống trào.<sup>1</sup>  
Sáu căn đừng có lao xao,  
Rõ ràng chánh niệm như sao Bắc thần.<sup>2</sup>

Hết rồi một đoạn báo thân,<sup>3</sup>  
Vào trong thiên định xuất thân Tây quy.  
Ngó gần thấy Phật A Di,  
Quan Âm, Thế Chí, trụ trì trước ta.

Các ông Thánh chúng Hằng sa,  
Tuôn hào quang xuống chói lòm rước con.  
Duỗi tay xuống tiếp một hồi,  
Lâu, dài, cò, phước đông thôi quá chừng.

Nhạc trời râu trời vang lừng,  
Mùi nhang thơm ngát, vui ưng tấm lòng.

---

<sup>1</sup> Long Thơ đời nhà Tống khi tịch đứng nguyên như sống.

<sup>2</sup> Sao Bắc đẩu

<sup>3</sup> Tức là thân có được do nghiệp báo. Phật có ba thân là Báo thân, Hóa thân và Pháp thân.

## Tam bảo văn chương

---

Tây Phương cảnh Phật thông dong,  
Rõ ràng trước mắt hiện trong cõi này.

Kẻ nghe người thấy vui thay,  
Khiến cho ai nấy liền ngày phát tâm.  
Chỉ người chánh tín tưởng thâm,  
Bước vô đạo Phật, khỏi hầm lửa thiêu.

Vui thay cõi Lạc tiêu diêu,  
Ai theo Phật rước, cao siêu Liên đài.  
Vung tay về chốn Kim giai,  
Gần trong Cực Lạc, xa ngoài trần lao.

Tòa sen rực rỡ trong ao,  
Đỏ, vàng, xanh, trắng tuôn hào quang ra.  
Con ngời chễm chệ trong hoa,  
Phật cùng Bồ Tát Hằng hà nhóm đông.

Con nghe pháp nhiệm tử lòng,  
Chứng Vô sanh nhẫn, chân tông thượng thiên.  
Chỉ trong giây phút thành duyên,  
Vâng nghe chư Phật dạy truyền pháp âm.

Đặng nhờ thọ ký ấn tâm,  
Dạy rồi, linh tánh bao năm nhớ hoài.

Ba thân, bốn trí lâu dài,  
Sáu thông năm mắt, chuyện ai cũng tường.

Đà-la thần chú nhiều phương,  
Phép nào cũng biết, như gương soi hình.  
Bao nhiêu công đức chứng minh,  
Nhớ ghi gồm đủ như kinh Phật truyền.

Mình đà cỡi Phật ở yên,  
Nhớ lời thệ trước độ duyên Ta-bà.  
Thần thông biến hóa thân ta,  
Khắp mười phương thấy hiện ra phép mầu.  
Từ bi phước đức thăm sâu,  
Có duyên hóa độ, đâu đâu vâng lời.  
Khắp trong cả thấy nhiều nơi,  
Cũng đều độ hết người đời trầm luân.

Khiến cho lòng tịnh quen lần,  
Dứt tình ái dục, lưu thần thiện lương.  
Dắt người về đến Tây Phương,  
Vào hàng Bất thối nấu nướng bạn lành.

Lòng con thệ độ chúng sanh,  
Rộng như biển cả cùng gành hư không.  
Hằng hà thế giới đều thông.  
Chúng sanh phiền não độ đồng sạch trơn.

## Tam bảo văn chương

---

Nếu mà còn để hơn hơn,  
Nguyện con không hết, như đèn dứt dây.  
Phật thương, chúng lễ nguyện này,  
Tu trì công đức độ ngay hữu tình.

Bốn ơn đền đáp phân minh,  
Ba đường cứu vớt siêu sinh khỏi nạn.  
Nguyện chung thế giới ba ngàn.  
Vẹn tròn một trí vào bang Phật đà.

Nguyện về Cực Lạc một nhà,  
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình.  
Hoa nở rồi biết tánh linh,  
Các ông Bồ Tát bạn lành với ta.

*Huệ Lưu diễn nghĩa chép ra,  
Ai tu Tịnh độ cùng là sám chung.*

## Bài thứ ba

**Cả Phương**

*Quảng Nam thuộc nước Việt đây,  
Làm văn phát nguyện, con này Cả Phương.*

Con từ kiếp trước không lường,  
Lãng đi bốn tánh nên vương cõi trần.

Chết đi sống lại xoay vần,  
Thay hình đổi xác nhiều lần vào ra.

Phước lành trút bỏ thân ta,  
Gặp trang giáo pháp xuất gia tu hành.  
Cạo đầu, phát nguyện làm lành,  
Có sao phá giới? Lòng đành tán chơn.

Giết loài sanh vật bất nhân,  
Ham ăn cá thịt dưỡng thân như này.  
Gạt người lấy của liền tay,  
Của trong Tam Bảo hàng ngày tham lam.  
Chấp chi tà ngụy cũng làm.  
Đắm say tửu sắc, mê ham chơi bời.  
Hủy Tăng, báng Phật, khi người,  
Nghịch cha, cãi mẹ, để lời thầy răn.

Thấy người tài đức ép dần,  
Gieo tai, cấy vạ, kiếm ăn cho đành.  
Nhúng tay vào đám lợi danh,  
Đua ganh phải quấy, nói mình là hơn.

Lòng tà làm việc bất nhơn,  
Khua môi, múa lưỡi vang rân lấy lừng.  
Ở chùa tụng niệm bản thân,  
Ra đi đám tiệc, việc mần tinh chiên.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Tinh chiên: tanh hôi.

## Tam bảo văn chương

---

Ngoài bày hình dạng tướng thiên,  
Trong lòng quý quyết, đảo điên, khi người.  
Ăn no, biếng nhác, dong chơi,  
Cộc cằn, ham hố, thói đời ngán thay!

Tranh danh đua lợi tối ngày,  
Thấy trôi biển cả, ai rày biết đâu!  
Việc lành không chút góp thâu,  
Ba đường tội báo dễ hầu dung tha.

Ngửa cầu đức Phật Di Đà,  
Thánh tăng, Thế Chí cùng là Quan Âm.  
Mở mang đức rộng chiếu lâm,  
Cúi thương cho kẻ lỗi lầm, cứu con.

Sáu căn, ba nghiệp sạch rồi,  
Bởi vì gốc phước mọc chồi đến nay.  
Tròn vành một niệm thẳng ngay,  
Dứt đường tội nghiệp, trở quày đường quang.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Đường quang: đường sáng, nẻo ngay.

# I. CÁC THỂ THƠ

## KỆ KHÓA HƯ

*Trần triều Thái tông Hoàng đế  
(1225-1258) ngự chế  
Huyền Mặc phụng diễn*

### 1. Kệ Bốn núi

*(Sanh Lão Bệnh Tử)*

Tứ sơn tiếu bích, vạn thanh tùng,  
Ngộ liễu, đô vô vạn vật không.  
Hỷ đắc lư nhi tam cước tại,  
Mạch ký đả sấn thượng cao phong.

四山峭壁萬青叢  
悟了都無萬物空  
喜得驢兒三腳在  
驀騎打趁上高峯。

#### Diễn nôm

*Bốn non, muôn bụi xanh rì,  
Tĩnh ra, muôn vật có gì gì đâu.  
Con lừa ba cẳng ruổi mau,  
Ta vui cưỡi nó lên đầu núi cao.*



## Tam bảo văn chương

---

### Núi thứ nhất: Tướng sanh

Chân tế huân đào vạn tượng thành,  
Bổn lai phi triệu, hựu phi manh.  
Chỉ sai hữu niệm, vong vô niệm;  
Khước bội vô sanh, thọ hữu sanh.

真宰薰陶萬象成  
本來非兆又非萌  
祇差有念忘無念  
卻背無生受有生。

Ty trước chư hương, thiết tham vị;  
Nhãn manh chúng sắc, nhĩ văn thanh.  
Vĩnh vi lãng đăng phong trần khách,  
Nhật viễn gia hương vạn lý trình!

鼻著諸香舌貪味  
眼盲眾色耳聞聲  
永為浪蕩風塵客  
日遠家鄉萬里程。

### Diễn nôm

*Thọ hóa đúc nên muôn tượng hình,  
Vốn xưa chẳng móng, chẳng là manh.  
Chỉ làm có niệm, quên không niệm;  
Vạy trái không sanh, chịu có sanh.*

Mũi, lưỡi đã tham hương với vị;  
Mắt, tai lại đắm sắc và thanh.  
Phong trần lưu lạc dài làm khách,  
Ngày cách quê hương muôn dặm xanh!

**Núi thứ nhì: Tướng lão**

Nhân sanh tại thế nhược phù âu,  
Thọ, yếu nhân thiên, mạc vọng cầu.  
Cảnh bức tang du tương hướng vãn;  
Thân như bồ liễu tạm kinh thu!

人 生 在 世 若 浮 漚  
壽 夭 因 天 莫 妄 求  
景 逼 桑 榆 將 向 晚  
身 如 蒲 柳 暫 經 秋。

Thanh điêu tích nhật Phan Lang mấn,  
Bạch biến đương niên Lữ Vọng đầu!  
Thế sự thao thao hồn bất cố,  
Tịch dương tây khứ, thủy đông lưu!

青 雕 昔 日 潘 郎 鬢  
白 徧 當 年 呂 望 頭  
世 事 滔 滔 渾 不 顧  
夕 陽 西 去 水 東 流。

## Tam bảo văn chương

---

### Diễn nôm

*Đời người bọt nổi khác chi đâu,  
Thọ, yếu nhờ trời, chớ bậy cầu.  
Canh mặt tang du hầu đến tối,  
Mình như bô liễu tạm qua thâu!*

*Phan Lang bữa trước xanh chòm tóc,  
Lữ Vọng ngày nay bạc mái đầu!  
Man mác sự đời thôi mặc kệ,  
Bóng chiều tây xế, nước đông thâu!*

### Núi thứ ba: Tướng bệnh

Âm, dương khiên đức bốn tương nhân,  
Biến tác tai truân cập thế nhân!  
Đại để hữu thân phương hữu bệnh;  
Nhược hoàn vô bệnh diệt vô thân.

陰陽愆德本相因  
變作災屯及世人  
大抵有身方有病  
若還無病亦無身。

Linh đơn mạn sá trường sanh thuật;  
Lương dược nan linh bất tử xuân.  
Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới,  
Hồi tâm hướng Đạo dưỡng thiên chân.

靈丹謾詫長生術  
良藥難令不死春  
早願遠離魔境界  
回心向道養天真。

### Diễn nôm

Âm dương lỗi đức tạo nên nhân,  
Cảm mạo làm ra nạn thế nhân.  
Biết lại có thân, nên có bệnh,  
Nếu mà không bệnh cũng không thân,

Trường sanh lầm tưởng đơn làm thuật;  
Bất tử khôn đem thuốc trở xuân.  
Nguyện lánh cõi ma đi cho sớm,  
Trở về nuôi lấy tánh thiên chân.

### Núi thứ tư: Tướng tử

Bãi dăng cuồng phong quét địa sanh,  
Ngư ông túy lý điều châu hoành.  
Tứ thù vân hợp âm mai sắc,  
Nhất phái ba phiên cổ động thanh.

擺蕩狂風括地生  
漁翁醉裏釣舟橫  
四垂雲合陰霾色  
一派波翻鼓動聲

## Tam bảo văn chương

---

Vũ cước trận thôi phiêu lịch lịch,  
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh.  
Tạm thời trần liễm thiên biên tịnh,  
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh.

雨脚陣催颺歷歷  
雷車輪轉怒轟轟  
暫時塵斂天邊淨  
月落長江夜幾更。

### Diễn nôm

*Gió cuồng quét đất phút lung lay,  
Thuyền lật ông chài lúc rượu say.  
Bốn phía mây lồng màu tối xám;  
Một làn sóng gợn tiếng vang đầy.*

*Gót mưa đòi trận lân xô đẩy;  
Xe sấm bao vòng vợi trở xây.  
Cát bụi bên trời khi tạm sạch,  
Sông dài trăng lặn mấy canh chầy.*

## 2. Kệ Sắc thân

Vô vị chân thân xích nhục đoàn,  
Hồng hồng, bạch bạch mạc tương man  
Thùy tri vân quyển trường không tịnh,  
Thúy lộ thiên biên nhất dạng san.

無位真人赤肉團  
紅紅白白莫相瞞  
誰知雲卷長空淨  
翠露天邊一樣山。

### Diễn nôm

*Khôì thịt chân nhân biết ở đâu?  
Hường hay là trắng chớ lừa nhau.  
Ai hay mây cuốn trong không tịnh,  
Móc biếc bên trời núi một màu.*

## 3. Kệ răn sát sanh

Vũ, mao, lân, giáp tận hàm linh,  
Úy tử, tham sanh khởi dị tình?  
Tự cổ Thánh hiền hoài bất nhẫn,  
Yên năng kiến tử dữ tham sanh?

羽毛鱗甲盡含靈  
畏死貪生豈異情

## Tam bảo văn chương

---

自古聖賢懷不忍  
焉能見死與貪生。

### Diễn nôm

*Cánh, lông, mai, vẩy tánh đều linh,  
Sợ tử, tham sanh há khác tình?  
Hiền thánh từ xưa lòng chẳng nỡ,  
Sao đành thấy tử với tham sanh?*

## 4. Kệ răn trộm cắp

Tạc bích, xuyên tường ý bất hưu.  
Thiên ban, bá kế khổ doanh cầu.  
Kim sanh cầu đắc tha nhân vật,  
Bất giác chung thiên thọ mã, ngư.

鑿壁穿牆意不休  
千般百計苦營求  
今生苟得他人物  
不覺終天受馬牛

### Diễn nôm

*Khoét vách, đào tường chí những đâu,  
Ngàn mưu, trăm kế những tham cầu.  
Của người dù có đời này được,  
Đời khác luôn làm kiếp ngựa, trâu.*

## 5. Kệ răn ham sắc

Tai nhạ mai hương, kiể̃m nhị đào,  
Kiến chi mục tống, ý điêu điêu.  
Đô Lư<sup>1</sup> nhất đại cơ bì xú,  
Ám đoạn nhân trường bất dụng đao!

腮惹梅香臉膩桃  
見之目送意忉忉  
都盧一大肌皮臭  
暗斷人腸不用刀。

### Diễn nôm

*Tóc xúc hương mai, má phấn đào,  
Mắt đưa lăm lét, ý nao nao.  
Thịt da một túi dơ tuông thúi,  
Cắt ruột người ta lựa phải đao!*

## 6. Kệ răn nói bậy

Hiếp kiên, siể̃m tiể̃u, thiệ̃t điêu thân,  
Vĩnh tác trần hoàn vọng ngữ nhân.  
Tự ý cầu hoan xu thế lợi,  
Đáo đầu tranh miễn nghiệp triền thân!

---

<sup>1</sup> Người nước Đô Lư mình nhẹ, giỏi tài leo trèo, đời Hán dùng họ để đóng tuồng (Tây Vực truyện chú).



## Tam bảo văn chương

---

脇肩諂笑舌搖唇  
永作塵寰妄語人  
伺意求歡趨世利  
到頭爭免業纏身。

### Diễn nôm

*So vai, cười bợ, lưỡi khua môi,  
Nói bậy dua đòi mãi thế thôi.  
Dòm ý cầu vui xô thế lợi,  
Rốt cùng ác nghiệp thuở nào rồi!*

## 7. Kệ răn uống rượu

Nhất úng tao khang khúc nhượng thành,  
Kỷ đa trí giả một thông minh!  
Phi duy độc phá tri lưu<sup>1</sup> giới,  
Bại quốc, vong gia tự tử sanh!

一甕糟糠麴釀成  
幾多智者沒聰明  
非惟獨破緇流戒  
敗國亡家自此生。

---

<sup>1</sup> Tri lưu, cũng đọc là truy lưu: Những người mặc áo màu đen, chỉ người tu hành

**Diễn nôm**

*Một hủ cơm, men đúc lộn thành,  
Bao nhiêu người trí mất thông minh!  
Chẳng riêng phá giới hàng Tăng chúng,  
Mất nước, tan nhà cũng đó sanh.*

---

VỊNH THÁP BẢO THIÊN<sup>1</sup>

*Chúa Trịnh Căn (1682-1709)*

I

Bốn bề đen ngất gấm vân chương,<sup>2</sup>  
Cảnh lạ mười phân chỉ khác thường.  
Thắm thắm liên đài,<sup>3</sup> nhuần diệp sắc,<sup>4</sup>  
Thên thên phúc chỉ<sup>5</sup> nức thanh hương.<sup>6</sup>

Vây nên cõi pháp trường tha tính,<sup>7</sup>  
Suốt được lòng người lạc thiện phương.<sup>8</sup>  
Gió Đạo thổi đưa hòa hỷ hỷ,  
Công khi ngoạn thưởng rất thu lương.<sup>9</sup>

II

Bình phong tám bức mọi đồ thâm,  
Đầm ấm trời xuân ngọc một bầu.  
Mây thọ dùn dùn toàn bảo các.<sup>10</sup>

---

<sup>1</sup> Tháp Bảo Thiên cao 12 tầng, do vua Thánh Tông nhà Lý khởi công xây dựng tại cửa chùa Sùng Khánh gần thành Thăng Long (Hà Nội).

<sup>2</sup> Vân chương: tả màu sắc như mây

<sup>3</sup> Liên đài: tòa sen

<sup>4</sup> Diệp sắc: vẽ mẫu nhiệm

<sup>5</sup> . Phúc chỉ: nền phước

<sup>6</sup> Thanh hương: hương trong

<sup>7</sup> Trường tha tánh: răn tánh khác, nghĩa là răn dạy tánh nết người khác.

<sup>8</sup> Lạc thiện phương: vui ở nơi tốt lành.

<sup>9</sup> Thu lương: thơ thới, mát mẻ

<sup>10</sup> Bảo các: gác báu.

Non nhân vọi vọi đối chung lâu.<sup>1</sup>  
Mở đường tế độ là ơn rộng,  
Ngõ cửa từ thông tỏ đạo mầu.  
Thắng lẫm<sup>2</sup> chọn đây làm phẩm nhất,  
So trong tịnh giới<sup>3</sup> há nhường đâu.

## KHUYÊN HỌC PHẬT

*Ứng Bình Thúc Giả thị*

Đường danh, nẻo lợi ngó đông đông.  
Chen chúc nhau chi đám bụi hồng?  
Kìa bóng bạch câu qua chẳng lại;  
Nọ tranh vân cầu có rồi không.

Lỡ cười, lỡ khóc trên sân khấu;  
Khi nở, khi tàn mấy cụm bông.  
Muốn kiếp phù sanh sau khỏi lụy,  
Quyển kinh, câu kệ chớ nài công.

---

<sup>1</sup> Chung lâu: lầu chuông

<sup>2</sup> Thắng lẫm: cái cảnh thưởng ngoạn được khoái ý

<sup>3</sup> Tịnh giới: cõi thanh tịnh, cũng là Tịnh độ, là nơi cảnh giới của các vị Phật và Bồ Tát. Chúng Tăng chuyên tâm niệm Phật, mục đích là cầu vãng sanh về đó.

## HỌA VẤN BÀI KHUYÊN HỌC PHẬT

Của cụ Lễ Bộ Thượng Thư Thúc Giạ thị

### I

*Bình Nam*

Son phấn ghen nhau thấy cũng đông,  
Hồn mê chợt tỉnh giấc lâu hồng!  
Hoa gương, trăng nước<sup>1</sup> kêu rằng có;  
Sừng thỏ, lông rùa<sup>2</sup> vốn thật không.  
Đường lợi đua chen e lấm bụi;  
Cội tu vun quén sẽ nhiều bông.  
Đời càng khó nhọc càng thêm khổ.  
Sáu chữ Di Đà chẳng tốn công.

### II

*Châu Khuê*

Đành chịu ơ hờ với chúa đông.  
Vì không tham tía, chẳng tham hồng.  
Đã toan trừ hết lòng phiền não;  
Nên quyết tìm ra tướng sắc không.  
Giống vãi đất lành thì tốt trái;  
Lúa cho cỏ lộn há nhiều bông?

---

<sup>1</sup> Bởi chữ Kính hoa thủy nguyệt nghĩa là bóng hoa trong gương, bóng trăng dưới nước, tuy rằng không, mà là tinh thần của sự có.

<sup>2</sup> Bởi chữ thố giác, quy mao (sừng thỏ, lông rùa), chỉ những việc nhất định là không có, vì con thỏ không bao giờ có sừng, con rùa không bao giờ có lông.

Vô minh che lấp từ vô thủy,  
Muốn phá vô minh phải gắng công.

## VỊNH CẢNH CHÙA KHÁN SƠN<sup>1</sup>

*Chúa Trịnh Căn*

Một khuôn nhuần được khí thanh huyền,<sup>2</sup>  
Cảnh tự nhiên<sup>3</sup> này khéo uyển nhiên.<sup>4</sup>  
Tinh xá<sup>5</sup> lâu lâu vằng nguyệt dãi;  
Phương đình<sup>6</sup> thán thán bóng thông in.

Khăng khăng nẻo nhiệm thiên quan<sup>7</sup> tĩnh;  
Lộng lộng đường thông pháp giáo<sup>8</sup> truyền  
Nhấn nhũ bàng nhân<sup>9</sup> du thưởng đấy,  
Gìn lòng kính cẩn, chớ trần duyên.<sup>10</sup>

<sup>1</sup> Chùa ở phía Tây thành Thăng Long.

<sup>2</sup> Thanh huyền: thanh tịnh và huyền diệu.

<sup>3</sup> Tự nhiên: tự nó như vậy, không do người chế tạo. Hoài Nam tử: Nhân thiên địa chi tự nhiên. (Nhân cảnh tự nhiên của trời đất)

<sup>4</sup> Uyển nhiên: y như vậy

<sup>5</sup> Tinh xá: căn nhà thanh tịnh nơi chư tăng tu hành (theo Thích thị yếu lã). Sách Thích Ca phổ nói rằng: Tức tâm sở thể, cố tinh xá. (Giữ lòng trụ vào đó, cho nên gọi là tinh xá)

<sup>6</sup> Phương đình: nhà vuông, tức là phương trượng, phòng của vị tăng trụ trì, ngang dọc vuông một trượng.

<sup>7</sup> Thiên quan: cửa chùa

<sup>8</sup> Pháp giáo: khoa dạy của Phật pháp

<sup>9</sup> Bàng nhân: người chung quanh hay là người ngoài cuộc

<sup>10</sup> Trần duyên: duyên trần tục, chỉ là sự vật ngoài giới tiếp xúc với mình.

VỊNH CẢNH CHÙA HOA YÊN<sup>1</sup>

*Chúa Trịnh căn*

Cung quế hương đưa thoảng thoảng mùi,  
Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai.<sup>2</sup>  
Thanh lương<sup>3</sup> một khóm vang vang rộng;  
*Ưu-bát*<sup>4</sup> ngàn xuân rõ rõ tươi.

Gió đức hiu hiu nhuần mọi đỉnh;  
Doanh nhân cuộn cuộn khắp đồi nơi,  
Thấy thiên tăng<sup>5</sup> những vân vân hối.  
Cảnh mấy thu chày hầy hầy vui.

---

<sup>1</sup> Chùa ở trên núi Yên Tử thuộc tỉnh Hải Dương.

<sup>2</sup> Trần ai: bụi nhơ, chỉ thế giới trần tục này.

<sup>3</sup> Thanh lương: trong trẻ, mát mẻ.

<sup>4</sup> Ưu-bát, tức là Ưu-đàm-bát-la (Udumbara): tên một loài hoa quý, chữ Hán dịch là Linh thụ, nghĩa là báo điềm lành. Hoa này 3.000 năm mới nở một lần, và chỉ nở khi có điềm lành cho tất cả chúng sinh, tức là khi có một vị Phật ra đời.

<sup>5</sup> Thiên tăng: vị tăng sĩ tu thiên.

VỊNH CẢNH CHÙA PHÁP VŨ<sup>1</sup>

*Chúa Trịnh Căn*

Thanh quang<sup>2</sup> mơn mớn chốn Dao Quang,<sup>3</sup>  
Gấp mấy trần gian, mấy thế thường!  
Cả mở tượng đồ,<sup>4</sup> đồ huệ chiếu;<sup>5</sup>  
Vẹn gồm khoa lục,<sup>6</sup> Lục Kim Cương.<sup>7</sup>

Doanh thâm bích hải,<sup>8</sup> doanh quanh quất,  
Sắc ánh từ vân,<sup>9</sup> sắc rõ ràng.  
Đức thanh càng ngày càng hiển ứng,<sup>10</sup>  
Đừng thay, đừng lạnh dấu đặng hương.<sup>11</sup>

<sup>1</sup> Chùa nằm ở huyện Thượng Phúc, thuộc tỉnh Hà Đông ngày nay.

<sup>2</sup> Dao Quang: tên vì sao thứ 7 trong chòm sao Bắc Đẩu, sáng như loại ngọc dao.

<sup>3</sup> Thanh quang: trong và sáng

<sup>4</sup> Tượng đồ: bức tranh vẽ hình tượng.

<sup>5</sup> Huệ chiếu: ánh sáng trí tuệ soi khắp.

<sup>6</sup> Khoa lục: khoa giáo kinh sách nhà Phật.

<sup>7</sup> Kim cương: tỷ dụ về thể, trí, tín, kiên cố như kim cương. Lục Kim Cương là bản Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa của nhà Phật.

<sup>8</sup> Bích hải: biển xanh biếc nằm phía ngoài Đông Hải một muôn dặm (Thập châu ký).

<sup>9</sup> Từ vân: mây lành, ý nói lòng từ bi của đức Phật Như Lai. Hạc Thác tập: Như Lai từ tâm như bể đại vân, ẩn trú thế giới (Lòng lành của đức Phật Như Lai như đám mây lớn kia, che khắp cõi đời).

<sup>10</sup> Hiển ứng: hiển linh báo ứng.

<sup>11</sup> Đặng: đèn, hương: nhang.



VỊNH CẢNH CHÙA THANH MAI<sup>1</sup>

*Chúa Trịnh Căn*

I

Bừng mắt xa trông sực cửu thiên,<sup>2</sup>  
Rộng thâu thú vị khéo viên tuyền.<sup>3</sup>  
Bình boong chày nện trên chung các,<sup>4</sup>  
Ngào ngạt hương lừng trước ngọc hiên.<sup>5</sup>

Kẻ thoát tam đồ,<sup>6</sup> vầy cội phúc,  
Người qua thập giới<sup>7</sup> dốc lòng thiên.  
Từ bi đường ấy, oan linh ấy,  
Một tấc niềm đơn rất kính tin.

---

<sup>1</sup> Chùa tại núi Phụng Nhãn.

<sup>2</sup> Cửu thiên: chín lần trời

<sup>3</sup> Viên tuyền: tròn vẹn

<sup>4</sup> Chung các: gác chuông

<sup>5</sup> Ngọc hiên: hiên ngọc

<sup>6</sup> Tam đồ: ba đường: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chúng sanh nào làm nhiều việc ác thì đời sau đọa vào các đường ấy. Kinh Phật gọi Địa ngục là Hỏa đồ đạo, Ngạ quỷ là Đạo đồ đạo, Súc sanh là Huyết đồ đạo.

<sup>7</sup> Thập giới: mười cõi. Theo Danh nghĩa tập, chúng sanh có sáu cõi phàm là: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sanh, 4. A-tu-la, 5. Người, 6. Trời, và bốn cõi thánh là: 1. Thanh văn, 2. Duyên giác, 3. Bồ Tát, 4. Phật.

## II

Gây dựng nhờ nơi thái nhất quyền,<sup>1</sup>  
Đích nên tịnh cảnh<sup>2</sup> khắp ba ngàn,<sup>3</sup>  
Cung châu<sup>4</sup> xét tỏ công vô lượng,<sup>5</sup>  
Cửa phạm<sup>6</sup> sum nhau khách hữu duyên,<sup>7</sup>

Gió phất thông reo nhờ nhạc vỗ;  
Suối tuôn nước chảy ngõ chuông rền.  
Nghiệm xem cảm ứng nhơn nhơn bấy,  
Bút chép thơ đề biết mấy thiên.

---

<sup>1</sup> Thái Nhất quyền: Quyền của vị thần Thái Nhất, chỉ là đấng Thiên đế cầm quyền tạo hóa.

<sup>2</sup> Tịnh cảnh: cõi thanh tịnh.

<sup>3</sup> Kinh Phật nói: vũ trụ gồm có Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới và Đại thiên thế giới, có ba ngàn cõi lớn, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

<sup>4</sup> Cung châu: là cung báu như ngọc châu, chỉ tòa Phật ngự.

<sup>5</sup> Vô lượng: do câu kệ: Vô lượng vô biên công đức đại, nghĩa là: Công đức Phật lớn lao không biết đâu mà lường, không biết đâu là bờ cõi.

<sup>6</sup> Cửa Phạm: là cửa nhà Phật, do chữ Phạm sát hay là Phạm cung, Phạm nghĩa là thanh tịnh.

<sup>7</sup> Hữu duyên: có nhân duyên ngộ hiệp. Văn Lỗ Bao có câu: Hữu nhân, hữu duyên.

## VỊNH CẢNH CHÙA NÚI PHẬT TÍCH <sup>1</sup>

*Chúa Trịnh Căn*

Kiên khôn<sup>2</sup> thâm vén một bầu đông,  
Nảy nảy siêu nhiên<sup>3</sup> chỉ lạ lòng.  
Hương vũ,<sup>4</sup> trắng thiên soi vạc vạc;  
Vân song,<sup>5</sup> tiếng ngọc nặng boong boong.

Ao trong lẻo lẻo ngư long hội;<sup>6</sup>  
Non nhiều trùng trùng cẩm tú phong.<sup>7</sup>  
Luận thế giới này, giai cảnh<sup>8</sup> ấy,  
Có bề quang đại, có linh thông.

---

<sup>1</sup> Tức là núi Sài Sơn, do vua Lý Thần Tông đổi tên là Phật Tích, lấy dấu tích Thiên sư Từ Đạo Hạnh tu hành và hóa thân tại đó. Chùa hiệu Thiên Phúc, do Từ Công cất lên, vua Lê Hiến Tông sửa lại.

<sup>2</sup> Kiên khôn: hay càn khôn, chỉ trời đất.

<sup>3</sup> Siêu nhiên: tỏ ra siêu việt vượt hơn phạm trần.

<sup>4</sup> Hương vũ: hành lang thơm nức mùi hương khói.

<sup>5</sup> Vân song: cửa sổ lồng bóng mây.

<sup>6</sup> Ngư long hội: hội cá hóa rồng.

<sup>7</sup> Cẩm tú phong: phong bao gấm vóc.

<sup>8</sup> Giai cảnh: cõi tốt đẹp

---

## VỊNH CẢNH CHÙA PHỔ LAI

*Chúa Trịnh Căn*

Tạo thành nhờ có sức thiên thành,<sup>1</sup>  
Thắng cảnh<sup>2</sup> thừa lương<sup>3</sup> rất hữu tình.  
Hoa ánh đài lan màu điểm ngọc;  
Xuân vậy dậm liễu thức pha xanh.

Tinh hà vẽ rạng ngàn tầng gấm;  
Sơn thủy đồ phong mấy bức tranh.  
So với Viên kiều<sup>4</sup> đây ý cũng,  
Xiết đâu khen ngợi khí chung linh.<sup>5</sup>

## NHỚ CẢNH CHÙA ĐỘI

*Yên Đổ*

Già, yếu, xa xôi bấy đến nay,  
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay.  
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,  
Sư cụ nằm chung với khói mây.

---

<sup>1</sup> Thiên thành: tự trời tạo nên.

<sup>2</sup> Thắng cảnh: cảnh đẹp.

<sup>3</sup> Thừa lương: hóng mát.

<sup>4</sup> Không rõ là ở đâu.

<sup>5</sup> Chung linh: đúc lại khí thiêng.

## Tam bảo văn chương

---

Dặm thế ngô đầu từng trúc ấy,  
Thuyền ai khách đợi bến dâu đây?  
Chuông trưa vắng tiếng, người không biết,  
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

## UNG HỒ SƠN TỰ

*Vịnh cảnh chùa núi Ung Hồ*

Đường Thi

Không sơn tịch mịch, đạo tâm sanh,  
Hư cốc siêu dao dã diệu thanh.  
Thiền thất tông lai vân ngoại thưởng,  
Hương đài khởi thị thế trung tình?  
Vân gian đông lĩnh thiên trùng xuất;  
Thọ lý nam hồ nhất phiến minh.  
Nhược sử Sào, Do đồng thủ ý;  
Bất tương la tích dịch tâm anh.

**Diễn nôm** (*Huyền Mặc Đạo Nhân*)

*Non không vắng vẻ khởi lòng lành,  
Hang trống treo xa, tiếng chóc rinh.  
Nhà sãi vốn vui ngoài tục cảnh;  
Đài hương há lộn đám trần tình?  
Núi theo giắc khói ngàn trùng mọc;  
Hồ rạng chòm cây một tấm thanh,*

Có lẽ Sào, Do<sup>1</sup> đồng ý ấy;  
Chẳng đem dây vướng đôi trâm anh.

## THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

(tức Trạng Trình)

### 1.

Giàu chênh chệch, khó lời thơi,  
Vận chuyển lưu thông há của ai.  
Vững nọ ghê khi làm bãi cát,  
Chôi kia có thuở lọt hòn thai.

Khôn ngoan mới biết thẳng rồi giáng;  
Đại đột nào hay tiểu có đài.  
Đã khuất bao nhiêu thì lại tủi,  
Đạo trời lỏng lộng chẳng hề sai.

### 2.

Giàu ba bữa, khó hai niêu,  
Yên phận thì hơn hết mọi điều.  
Khát uống trà mai hơi ngọt ngọt,  
Sốt kê hiên nguyệt gió hiu hiu.

Giang sơn tám bức là tranh vẽ,  
Hoa cỏ bốn mùa ấy gấm thêu.  
Thong thả hôm, khuya nằm, sớm thức,  
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu.

<sup>1</sup> Sào Phủ và Hứa Do, hai hiền nhân ngày xưa, không tham sự đời đi ở ẩn.

## Tam bảo văn chương

---

### 3.

Giàu sang người trọng, khó ai nhìn,  
Mấy dạ yêu vì kẻ lỗ làng.  
Thuở khó dẫu chào, chào cũng lảng.  
Khi giàu chẳng hỏi, hỏi thì quen.

Quen hiềm dan díu đều làm bạn,  
Lảng kéo lân la nổi bạ men.  
Đạo nọ, nghĩa này trăm tiếng,  
Nghe lui thình thỉnh lại đồng tiền.

### 4.

Thấy dậm thanh vân bước ngại chen,  
Được nhàn ta xá dưỡng thân nhàn.  
Ba gian am quán lòng hằng mến,  
Đòi chốn san hà mặt đã quen.

Thanh vắng thú quê giàu bao nã,  
Dữ lành miệng thế mặc chê khen.  
Mai kia chữa dễ thu nên muộן,  
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

### 5.

Tháng mãn đã qua, ngày đã rồi,  
Hãy yên thừa phận mới nên vui.  
Bóng hoa lay động am chư Phật,  
Măng trúc còn tươi bếp mới sôi.

Náo nhiệt công danh nhiều thỏa chí,  
Thư nhàn sơn dã mới hay mùi.  
Làm người chớ thấy tài mà cậy,  
Có nhụt bao nhiêu lại có đời.

**6.**

Được thua thấy đã ít nhiều phen,  
Để rẻ công danh đổi lấy nhàn.  
Am Bạch Vân rồi nhàn hứng,  
Dặm hồng trần vắng ngại chen.

Ngày chầy họp mặt hoa là khách,  
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.  
Chớ chớ thờ ơ, nhìn mới biết,  
Đỏ thì son đỏ, mực thì đen.

**7.**

Chửa dễ ai là Phật Thích Ca,  
Mọi niềm nhân ngã<sup>1</sup> nhẩn thì qua.  
Lòng vô sự<sup>2</sup> trắng in nước,  
Của thảng lai<sup>3</sup> gió thổi hoa.

Kìa khách xuân xanh khi trẻ,  
Mấy người đầu bạc tuổi già.  
Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách,  
Được thú ta đà có thú ta.

---

<sup>1</sup> Nhân: người khác, ngã: ta, mình.

<sup>2</sup> Vô sự: nhàn rảnh không có việc gì.

<sup>3</sup> Thảng lai: ở đâu lại thành linh



## Tam bảo văn chương

---

### 8.

Giàu, khó đành hay chỉ phận mình,  
Mấy đường gai góc biếng đua tranh.  
Cơm ăn chẳng quản mùi xa, bạc,<sup>1</sup>  
Áo mặc nề chi tấm rách, lành.

Đạp gối mong nhiều người ẩn dật,<sup>2</sup>  
Bận lòng lại tưởng cái công danh.<sup>3</sup>  
Cho nên nấn ná trong lều cỏ,  
Nhân mát ngồi xem thuở thái bình.

## VĨNH NÚI NGŨ HÀNH

*Bà Bang Nhãn*

Cảnh trí nào hơn cảnh trí này,  
Bồng Lai<sup>4</sup> âu cũng hẳn là đây!  
Núi chen sắc đá màu phơi gấm,  
Chùa nực hơi hương khói lộn mây.

Ngư phủ<sup>5</sup> gác cần ngư mặt nước,  
Tiều phu<sup>6</sup> chống búa dựa lưng cây.  
Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách,  
Khen bấy thợ trời khéo đắp xây?

<sup>1</sup> Xa: hoang rông, bạc: sông lạt.

<sup>2</sup> Ẩn dật: người trốn đời ở ẩn lấy rảnh rang.

<sup>3</sup> Công danh: người ra đời cầu lấy công nghiệp danh lợi.

<sup>4</sup> Bồng Lai: tên một hòn đảo cõi tiên.

<sup>5</sup> Ngư phủ: ông chài đánh cá

<sup>6</sup> Tiều phu: người đốn củi.

## ĐỀ CHÙA BÀ ĐANH

*Vua Lê Thánh Tôn ngự chơi chùa Bà Đanh, nghe trong chùa có tiếng tiểu nữ tụng kinh vang lanh lảnh. Vua ngự đề lên vách hai câu thơ:*

Tới nơi thấy cảnh thấy người,  
Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần.

*Vua lấy hai câu ấy làm đầu đề, bắt các quan tụng thần vịnh ra thơ. Quan Tao Đàn<sup>1</sup> Phó nguyên soái là Thân Nhân Trung phụng chỉ vịnh rằng:*

Ngẫm sự trần duyên<sup>2</sup> khéo nực cười,  
Sắc không<sup>3</sup> tuy Phật, hãy lòng người.  
Chày kinh một tiếng tan niềm tục;  
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.  
Bể ái ngàn trùng mong tát cạn,  
Nguồn ân muôn trượng chứa khơi vơi.  
Nào nào Cực Lạc<sup>4</sup> là đâu nữa?  
Cực Lạc là đây chín rõ mười.

<sup>1</sup> Vua Lê Thánh Tôn lập hội Tao Đàn để xướng họa thơ văn, tự xưng mình là Tao Đàn Nguyên Soái.

<sup>2</sup> Trần duyên: duyên trần tục.

<sup>3</sup> Sắc: là hình thức mọi vật, Không là Không hư, không có gì hết. Kinh Bát-nhã nói: Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Nghĩa là: phạm sự vật trong đời, hễ cái gì có sắc cũng tức là không hư; cái gì không hư cũng tức là ngụ có hình sắc ở trong đó.

<sup>4</sup> Cõi Phật của đức Phật A Di Đà gọi là thế giới Cực Lạc, nghĩa là rất vui mà không có những cảnh khổ.

## Tam bảo văn chương

---

Vua đưa cho tiểu nữ xem, tiểu nữ chê hai câu 3, 4, thiếu ý cảnh, bèn sửa lại:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,  
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Vua khen hay, bèn đưa nàng về cung, đi đến cửa Đại Hưng chợt biến mất. Vua lấy làm lạ, bèn xây dựng một cái lầu, gọi là Vọng Tiên Lâu<sup>1</sup> để làm di tích.

Hiện giờ còn có miếu thờ đề là Vọng Tiên Quán ở phố Hàng Bông, trong thành phố Hà Nội.

## ĐỀ CHÙA TIÊN

*Chúa Trịnh*

Chợt khỏi Thiên Trù thoát rẽ lên,  
Cửa hàng thăm thăm một đường trên.  
Chở mây quanh quất lồng hương Phật,  
Gõ đá vang lừng lối nhạc Tiên.  
Bảo cái<sup>2</sup> đùn đùn trên bảo tọa,<sup>3</sup>  
Kim quang<sup>4</sup> chêm chêm trước kim liên.<sup>5</sup>  
Thanh xa<sup>6</sup> dẫu cũ còn ghi để,  
Quén<sup>7</sup> được xe loan biết mấy phen.

<sup>1</sup> Vọng Tiên lâu: lầu vọng tiên, vọng là trông ngóng, trông theo.

<sup>2</sup> Bảo cái: lọng báu, lọng thờ Phật.

<sup>3</sup> Bảo tọa: tòa báu, chỗ ngồi của Phật.

<sup>4</sup> Kim quang: sắc tướng của đức Phật Thích Ca, cũng chỉ tượng Phật thếp vàng.

<sup>5</sup> Kim liên: tòa sen vàng là ngôi Phật ngự.

<sup>6</sup> Thanh xa: Xe màu xanh, chỉ đấng tao nhân mặc khách.

<sup>7</sup> Quén: quyển rũ, lòi cuốn

---

ĐỀ TRUYỆN THỊ KÍNH

Yên Đỗ<sup>2</sup>

I

Động phòng<sup>1</sup> thôi đã đến tăng phòng,<sup>2</sup>  
Người ở Thiên phương bái Phật phương.  
Chồng cũ mong nàng đầu nhuộm trắng;  
Con nuôi gọi bố miệng hoe vàng.  
Ba sanh ân ái hai hàng lệ;  
Chín đợt từ bi một nén hương.  
Trần mộng tỉnh ra thân thiếp đó,  
Mảnh thơ xin giải để làm gương.

II

Món nợ giai nhân nặng khối sầu,  
Những người mắt tục biết chẳng đâu.  
Cái duyên bạn lúa thương chàng Thiện,  
Gieo vạ thầy tăng oán Thị Mầu.  
Hồn bướm mơ màng ngàn dặm một,  
Nghĩa vò<sup>3</sup> chăm chút sáu năm râu.  
Tám thân đã hóa, thơ còn để,  
Nhấn khách thuyên quan<sup>4</sup> để khéo tu.

---

<sup>1</sup> Động phòng: phòng vợ chồng.

<sup>2</sup> Tăng phòng: phòng thầy tăng ở.

<sup>3</sup> Nghĩa vò: nghĩa cha nuôi, lấy tích con vò vò nuôi con nhện non.

<sup>4</sup> Thiên quan: cửa chùa.

## VỊNH CẢNH HỘI CHÙA THẦY<sup>1</sup>

*Trích tiểu thuyết Duyên nợ văn chương*

Huyền Mặc Đạo Nhân

Cảnh sắc thanh u núi một chòm,  
Ngoài đời gác mặc tiếng om sòm  
Chợ Trời<sup>2</sup> ngược mặt đèo cao vọi;  
Hang Thánh<sup>3</sup> nhô đầu động tối om.  
Khách tới cầu Tiên treo lớp ngóp;  
Người vào lạy Phật cúi lom khom.  
Mộng trần mơ tưởng nơi huyền diệu,  
Tìm được chân thân xác đã khò!

## TẶNG VÂN TUYỀN ĐẠO CÔ

*Trích trong Hồng Phấn văn chương  
của một số độc giả Nữ giới Tòng thơ đề tặng  
vào lúc Đạo Cô làm chủ bút.*

I

*Lê thị A. T.*

Lòng đạo, lòng văn cũng một lòng,  
Dem mà tô điểm vẻ non sông.

<sup>1</sup> Chùa Phật Tích trên núi Sài Sơn, nơi thiền sư đời nhà Lý là Từ Đạo Hạnh tu hành và hóa thân. Hội chùa Thầy nhằm ngày mồng 7 tháng 3, kỷ niệm Từ Công hóa thân sanh làm vua Lý Thần Tông.

<sup>2</sup> Trên đỉnh núi cao hơn hết gọi tên là đèo Chợ Trời, tục truyền rằng: những khi đêm trăng gió mát thường có tiên nhân giáng hạ đánh cờ tại đó.

<sup>3</sup> Trong động Từ Công hóa thân đầu thai gọi tên là hang Thánh Hóa.

Hư vô tuy gợi nơi rừng tía,  
Từ mẩn nào quên chốn bụi hồng.

Chày mõ nện sương tan tục lự,  
Ngọn đèn khêu nguyệt rặng chân không.  
Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát,  
Mấy tiếng chuông mai gọi tiếng công.

## II

*Cao Thành Văn*

Tài tử nào phân gái với trai,  
Đạo cô ai dễ biết là ai?  
Hồi chuông cảnh tỉnh vang trần giới,  
Tiếng mõ chiêu hồn dậy Phật đài!

Độ tuổi cổ nhân chùng dưới một;  
Sấp hàng kim đại hử trên hai!  
Nghe danh lựa phải từng quen mặt,  
Đôi chữ Vân Tuyên đã thuộc tai.

## THIỆN MÔN LÃNG TÍCH

*Thanh Sơn*

Trái nếm mùi trần chán đắng chua,  
Tương rau đạm bạc bữa cơm chùa.  
Rèn lòng cửa Phật cơn sa sác,

## Tam bảo văn chương

---

Nóng một đường đời nổi được thua.  
Tủ kiếp trầm luân làn sóng dập,  
Tĩnh hồn đọa lạc tiếng chuông khua.  
Hai mươi năm lẻ từng lao khổ,  
Trải nếm mùi trần chán đắng chua.

## II. CÁC THỂ VĂN BIÊN NGÃU

(biên văn dụng niêm, biên văn dụng vận)

### VĂN TẾ ÂM HÔN Ở KONTUM

*Bài này đọc trong lễ chôn tá  
khi khánh thành chùa Sắc Tứ Báo Ân,  
không rõ của ai.*

Hỡi ôi!  
Số kiếp dở dang,  
Căn duyên trắc trở.  
Đùi hiu gió thổi,  
nắm xương vàng lấm nổi đắng cay;  
Nghỉ ngút hương bay,  
lễ đạm bạc mấy lời than thở!!  
Các vong xưa:  
Trú ngụ Kon Tum,  
Vốn người dưới chợ.<sup>1</sup>  
Từng nghĩ đó ruộng nhiều đất tốt,

---

<sup>1</sup> Người Kontum gọi người các tỉnh đồng bằng lên là người dưới chợ.

## Các thể văn biên ngẫu

---

băng non xanh mong lúa lấm, tiền kho;  
Nào ngờ đâu nước độc ma thiêng,  
xông đất đỏ<sup>1</sup> vốn dễ ăn khó ở!  
Trước những tưởng xa quê ngại cảnh,  
ít người càng đùm bọc lấy nhau;  
Sau chẳng dè rừng rậm non sâu,  
nhiều bệnh ngặt vướng mang khó gỡ!  
Cũng có kẻ áo ràng xiêm buộc,  
mong đền bồi nợ nước ơn vua;  
Cũng có người quần vận yếm mang,  
lo toan tính của chồng công vợ.  
Cũng có kẻ theo đường thương mại,  
phải đeo mang buôn Mội, bán Lào;<sup>2</sup>  
Cũng có người kiếm kế sanh nhai,  
lên lặn lóc làm thầy, làm thợ.  
Cũng có kẻ thiên phương bách kế,  
nghịch đạo nhà trốn tránh ẩn thân;  
Cũng có người một lối hai lăm,  
trái luật nước đọa đày cấm cố.  
Nhớ đến kẻ tay bùn chân lấm,  
sống không nhà, thác lại không mồ;  
Nghĩ lại mình máu đỏ đầu đen,  
nín cũng hổ, nói ra cũng hổ!  
Phạm hai chú<sup>3</sup> bước cao, bước thấp,  
gánh ra đi, biếng nổi chân đi;

---

<sup>1</sup> Đất ở Kontum toàn sắc đỏ.

<sup>2</sup> Tức là nước Lào.

<sup>3</sup> Tội phạm



## Tam bảo văn chương

---

Chiếu nửa manh thiếu trước thiếu sau,  
quảng xuống lỗ, ra ngoài miệng lỗ.  
Tủi cho kẻ mới đi mới chạy,  
kiếp ba sanh ước cũng trăm năm;  
Thương cho ai đạn lạc tên bay,  
bỗng một phút ra người thiên cổ!  
Thảm những lúc trăng mờ bóng xế,  
gội nắng mưa lạc nắm xiêu mờ;  
Thương mấy khi thả lặn ác tà,  
ai nhang khói ngày đơm tháng giỗ!  
Âm thầm tủi đất không che xác,  
nghiêng ngựa kìa xương cốt còn phơi;  
Ngậm ngùi thương cây chẳng tránh mờ,  
lăn lóc đó thi hài bệch lộ!  
Thảm cho kẻ bỏ thì thương, vương thì nặng,  
non thê biển hẹn, mối chung tình  
đành để lại giang san;  
Tủi cho ai nằm bên lạnh, tránh bên khô,  
mang nặng để đau, nắm gan ruột  
cũng liều cùng thủy thổ!  
Thấy nay được lầu son gác tía,  
xe qua ngựa lại, việc làm ăn  
trăm sự dễ dàng;  
Nhớ xưa còn nước biếc non xanh,  
vượn hú chim kêu, công khai phá  
ngàn điều cực khổ.

Ôi thôi nay!  
Hàng xứ chăm nom, nước nhà chiếu cố.  
Trong rừng rú, kẻ có công, người có cửa,  
phát bờ, phát bụi, khi khói hương  
rầm lớn vĩa to;  
Giữa thành không, giàu làm kếp, hẹp làm đơn,  
lập miếu, lập chùa, khi thăm viếng  
Thanh Minh tảo mộ.  
Xin nhớ chữ tử sanh hữu mạng,<sup>1</sup>  
sống thác đều máy tạo vẫn xoay;  
Chớ quên câu họa phước vô môn,<sup>2</sup>  
vinh nhục cũng cơ trời định số.  
Kiếp gió bụi ba sanh vốn nợ,  
đừng nghĩ chi núi thẳm rừng sâu;  
Chí anh hùng bốn biển là nhà,  
đâu thôi cũng quê cha đất tổ.  
Thuyền *Bát-nhã* câu kinh giải thoát,  
tĩnh phiền ba<sup>3</sup> già chốn âm ty;  
Bóng *Bồ-đề* giọt nước lành dương,  
hết oan trái về nơi Tịnh độ.  
Giữa rừng tía, nhang chong đèn rạng,  
xin chúng cho lễ bạc lòng thành;  
Dưới suối vàng, sống khôn thác thiêng,  
nên gắng lấy phù trì ủng hộ.

---

<sup>1</sup> Tử sanh hữu mạng: sống thác có số.

<sup>2</sup> Họa phước vô môn: họa, phước không cứ cửa nào.

<sup>3</sup> Phiền ba: sóng phiền não

KHAO THẦN ÔN DỊCH

*Phạm Thái*<sup>1</sup>

Thượng thừa Phật Tổ,

Hạ sắc pháp sư.

Thỉnh Lưu, Quan, Triệu, Trương sở cú:

Quản Đông, Tây, Nam, Bắc các phương.

Chánh chưởng ngũ hành:

thuộc kim, mộc, thủy, hỏa, thổ khí;

Phục thi ngũ sắc:

trước thanh, hoàng, xích, bạch, hắc y.

Đương niên hành khiển,

cho tới ngũ phương sứ giả, các bộ ôn binh.

Kẻ ra tay vực nước chốn hung trường,<sup>2</sup>

thệ chí ấy với nước non mà chẳng quản;

Người vâng mạng phòng biên nơi thú khốn,<sup>3</sup>

phú thân này cho cây cỏ cũng không nề.

Đỉnh phú xuân muôn kiếp tạc danh;

Đoàn ái mộ ngàn thu vẹn tiết.

Người quyết chí để trọn nghì phu phụ, thuyên

ái ân chèo dòng biếc linh đình;

Kẻ cầm gan cho vẹn đạo quân thân, gươm

trung nghĩa liếc<sup>4</sup> sương nghiêm lóng lánh.

<sup>1</sup> Tác giả truyện thơ Sơ Kính Tân Trang, có thời gian đi tu lấy hiệu là Phổ Chiêu, biệt danh khác nữa là Chiêu Lỳ.

<sup>2</sup> Hung trường: chiến trường, chiến trận.

<sup>3</sup> Thú khốn: chỗ quân đóng, biên ải.

<sup>4</sup> Liếc : mài nhẹ cho sắc bén hơn



## Tam bảo văn chương

---

Lại có kẻ gặp khi hung khiếm,<sup>1</sup>  
vì cơ hàn nên nổi phân ly;  
Cũng có người vì lúc thương hàn,<sup>2</sup>  
dù bùa thuốc chẳng phương hiệu nghiệm.  
Có sanh có diệt, tạo hóa khôn lường;  
Kẻ ở kẻ về, nhân tình chạnh cảm.  
Thuyền Phạm Lãi, Ngũ Hồ, buồm tách gió,  
vui nước trời một sắc đua xanh.  
Gươm Lão Quân, Lục Trí, cán vung mây,  
loài gian ác hai lòng khôn thứ.

Ở đâu về đó, kẻ Bắc người Nam,  
Cứ lệnh theo đây, hình nghiêm phép trọng.  
Cấp cấp như luật lệnh!

## PHỔ KHUYẾN LÀM CHÙA

Ông nho Côi Trì

*(Nhân làng làm chùa, nhờ ông viết bài văn này để quyên giáo Thập phương.)*

Từng mảng nghe rằng:  
Ở lành thì lại gặp lành,  
then báo ứng<sup>3</sup> quý thần khép mở;  
Làm phúc ắt là được phúc,

---

<sup>1</sup> Hung khiếm: thất mùa đói kém.

<sup>2</sup> Thương hàn: cảm thương nóng lạnh.

<sup>3</sup> Báo ứng: báo đáp ứng theo cho kẻ làm lành hay là làm dữ.

khuôn tài bồi<sup>1</sup> tạo hóa đúc tô.

Việc từ bi xem cũng nhiệm mầu;  
Đường phương tiện<sup>2</sup> phải cùng san sẻ.  
Ngôn niệm:  
Bản ấp... tên Long tự...  
Danh lam<sup>3</sup> dấu cũ;  
Thắng địa<sup>4</sup> nền xưa.

Hang Bồng Lai Phương Trượng<sup>5</sup> mở mang ra,  
tranh Ma Cật<sup>6</sup> sẵn dán giảng vàng thảo thụ;<sup>7</sup>  
Cảnh Thấu Lĩnh,<sup>8</sup> Tào Khê<sup>9</sup> thu nhật lại,  
thơ Thiếu Lăng<sup>10</sup> từng vờn vẽ khách yên hà.<sup>11</sup>

<sup>1</sup> Tài: trồng tía, bồi: vun bón. Trung Dung: Cố tài giả bồi chi. (Cho nên cái cây đã trồng vững gốc rồi thì vun thêm cho nó).

<sup>2</sup> Phương tiện: tùy phương nhân tiện cho chúng sanh dễ theo.

<sup>3</sup> Danh lam: cảnh chùa có tiếng.

<sup>4</sup> Thắng địa: chỗ đất thịnh vượng.

<sup>5</sup> Bồng lai: hòn cù lao cảnh Tiên; Phương Trượng: nơi tông lâm, chùa chiền.

<sup>6</sup> Ma Cật: tên tự là Vương Duy, một nhà thơ hay, vẽ khéo đời Đường, giỏi về vẽ tranh sơn thủy.

<sup>7</sup> Thảo: cỏ, thụ: cây.

<sup>8</sup> Thấu Lĩnh: tên hòn núi tại nước Ấn Độ, Phật thường ở đó, cũng gọi là núi Linh Thấu.

<sup>9</sup> Tào Khê: tên một dòng suối ở Thiều Châu, Trung Quốc, nơi vị tăng Trí Dực xây chùa Bửu Lâm (Truyền Đăng lục), cũng là nơi bắt nguồn dòng thiền Tào Khê của ngài Lục Tổ Huệ Năng.

<sup>10</sup> Thiếu Lăng, tên tự của Đỗ Phủ, một nhà thơ hay đời Đường, có bài thơ tặng thầy tăng Huyền Độ (Đường Thi).

<sup>11</sup> Yên: khói mây, hà: ráng trời, là cảnh núi khe, khách ẩn dật vui ở nơi đó

## Tam bảo văn chương

---

Mồ trúc phong<sup>1</sup> lóc cóc dạo từng hồi,  
giục giã đàn chim về lắng kệ;  
Khánh thạch giản<sup>2</sup> lạnh canh chua mấy tiếng,  
rủ rê bầy cá đến nghe kinh.  
Vẫn là tay thiên thượng<sup>3</sup> đặt bày,  
muôn trượng đỉnh Phù Dung<sup>4</sup> coi biếc biếc;

---

<sup>1</sup> Gió trúc: gió lay cây trúc này chạm với cây trúc kia, nghe lóc cóc như tiếng mõ.

<sup>2</sup> Thạch giản: tức thạch tuyến: suối khe núi đá, nước chảy vang dội sườn đá, nghe lạnh canh như tiếng khánh.

<sup>3</sup> Thiên thượng: thợ trời

<sup>4</sup> Đỉnh Phù Dung: tên một ngọn đèo cao hơn hết trong năm đèo của núi Hành Sơn (Kinh Châu ký).

Nếu chẳng có nhân công trau chuốt,<sup>1</sup>  
một trùng non Đâu Suất<sup>2</sup> đứng xanh rì.  
Tuy trông vào đôi chữ tịch tà,<sup>3</sup>  
dạ quân tử<sup>4</sup> phải ghi làm thiết thạch;<sup>5</sup>  
Song nhạc thấy một đường khuyến thiện,<sup>6</sup>  
lòng nhân nhân<sup>7</sup> sao nỡ để kinh chẵn.<sup>8</sup>  
Rắp rủ nhau nhất độ kinh doanh,<sup>9</sup>  
hồ thu thủy<sup>10</sup> lại thêm vàng phách thổ;<sup>11</sup>  
Ví không cậy thập phương tư cấp,<sup>12</sup>  
cửu thiên kim<sup>13</sup> nào phải chiếc dịch hồ.<sup>14</sup>

<sup>1</sup> Nhân công: thợ người, sức người.

<sup>2</sup> Đâu Suất (兜率), tiếng Phạn là *Tuṣita*, là cõi trời thứ tư trong 6 cõi trời của *Dục giới*, Hán dịch nghĩa là *Hỉ túc* (喜足). Đây là cõi trời mà Bồ Tát *Di Lặc* đang thuyết pháp độ sanh.

<sup>3</sup> Tịch tà: bởi chữ Tịch tà thuyết (dẹp trừ thuyết sai trái) ở sách *Mạnh Tử*.

<sup>4</sup> Quân tử: người đạo đức cao thượng.

<sup>5</sup> Thiết: sắc, thạch: đá.

<sup>6</sup> Khuyến thiện: khuyên làm lành.

<sup>7</sup> Nhân nhân: người nhân từ.

<sup>8</sup> Kinh chẵn: gai cỏ rườm rà ngăn ngại.

<sup>9</sup> Nhất độ kinh doanh: sửa sang. Kinh Thi có câu: Kinh thủy linh đài, kính chi, doanh chi. (Bắt đầu sửa đền linh, sửa sang nó lại.)

<sup>10</sup> Hồ thu thủy: hồ nước mùa thu.

<sup>11</sup> Phách thổ: vĩa con thổ, chỉ là bóng trắng sáng. Nghĩa là làm cho quang cảnh chùa thêm rực rỡ.

<sup>12</sup> Thập phương tư cấp: mười phương cấp giúp.

<sup>13</sup> Cửu thiên kim: áo trầu giá ngàn nén vàng, tỷ dụ là của quý báu.

<sup>14</sup> Dịch hồ: da con chồn cáo, Hán thư: Thiên kim chi cửu phi nhất hồ chi dịch. (Tám áo trầu giá ngàn nén vàng chẳng phải miếng da của một con chồn cáo). Câu này là ý tỷ dụ về nghĩa: ngôi chùa là công quả lớn lao, chẳng phải công của một người làm nổi, vậy phải nhờ thập phương tư cấp.



## Tam bảo văn chương

---

Vậy nên:

Mượn chữ *nam vô*,<sup>1</sup> khuyên lòng cố hữu.<sup>2</sup>

Việc doanh tạo, kẻ giúp công, người giúp của,

dù Đông Ngô, Tây Sở,<sup>3</sup> nơi xa xôi còn  
gắng sức nữa đồng châu.<sup>4</sup>

Lòng tín thành, nhiều làm phúc, ít làm duyên,

đã Bắc Đẩu, Nam Tào<sup>5</sup> sở ghi ký khắp  
chưa tên nào lậu bút.<sup>6</sup>

Vẫn là đạo không không sắc sắc;

Phải miễn mình niệm niệm tâm tâm.

Chớ nói điều Phật bất cầu ai,<sup>7</sup>

niềm hòa khí<sup>8</sup> bỏ lạnh lòng trong tác đất;

Rồi thấy buổi thiên vô tư phú,<sup>9</sup>

bóng từ vân che mát mẽ cả phương trời.

Khương mấy nhà tích thiện có thừa,<sup>10</sup>

---

<sup>1</sup> Nam vô, cũng là Nam mô, dịch âm tiếng Phạn là *namu*, nghĩa là cung kính.

<sup>2</sup> Cố hữu: vẫn có hay sẵn có. Lòng cố hữu chỉ là tấm lòng lành của con người ta sẵn có. Ý tác giả dùng mượn chữ hữu để đối chọi với chữ vô.

<sup>3</sup> Đông ngô: nước Ngô ở phía đông, Tây sở: nước Sở ở phía tây, chỉ những thí chủ ở nước ngoài.

<sup>4</sup> Đồng châu: cùng châu.

<sup>5</sup> Bắc Đẩu, Nam Tào: tức Nam Cực hay là Nam Đẩu, hai tòa sao chép công, tội, thiện, ác của người thế gian.

<sup>6</sup> Lậu bút: sót nét bút, tức là ghi chép thiếu.

<sup>7</sup> Phật bất cầu ai: Phật chẳng cầu thường.

<sup>8</sup> Hòa khí: khí hòa

<sup>9</sup> Thiên vô tư phú: trời không che riêng.

<sup>10</sup> Kinh Dịch: Tích thiện chi gia tất hữu dư khương. (Những nhà chứa điều lành ắt có phước dư.)

dòng bách thế<sup>1</sup> dôi tuôn như bích thủy;<sup>2</sup>  
Danh những kẻ lập công không nát,  
bia thiên thu<sup>3</sup> còn đứng với thanh san.<sup>4</sup>

## PHỔ KHUYẾN KẾT HẠ

*Phổ Chiêu Thiên sư*<sup>5</sup>  
(1777-1814)

Từng mắng<sup>6</sup> rằng:  
Chữ hiếu ấy trước chung trăm nết,  
Đạo hằng dù trên trả bốn ơn,  
Làm nhân tử phải vẹn bề hiếu tử,  
há thiên tâm<sup>7</sup> có phụ kẻ đạo tâm.

Đức Phật ta:

Mở giáo Nam châu, vâng truyền Tây thổ.

---

<sup>1</sup> Bách thế: trăm đời.

<sup>2</sup> Bích thủy: nước biếc

<sup>3</sup> Thiên thu: ngàn năm.

<sup>4</sup> Thanh san: non xanh.

<sup>5</sup> Tức là Phạm Thái đã chú ở trước. Ông viết bài này lúc đi tu ở chùa Tiêu Sơn. Kết hạ (hay An cư) là sự hội họp của chư tăng ở các nơi về một ngôi chùa để tu học trong 3 tháng mùa hạ, từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy. Hết kỳ an cư này cũng là nhằm lễ Vu Lan báo hiếu, nên trong bài đề cập nhiều đến chữ hiếu. Trong kỳ Kết hạ, thường cũng tổ chức truyền giới cho những người tu tại gia và xuất gia.

<sup>6</sup> Cũng như nghe rằng.

<sup>7</sup> Thiên tâm: lòng trời

## Tam bảo văn chương

---

Nước tịnh rẫy càn dương thánh thốt,  
rập tàn nhà lửa cháy bùng bùng;  
Bè từ chèo biển giác lênh đênh,  
chở lạng sóng ơn tuôn cuộn cuộn.  
Tai trí huệ nghe thấu lời thiện ác,  
Mắt quang minh dòm suốt chốn u minh.  
Kìa xem cơ nước chảy hoa tàn,  
hồn kim cổ bóng ngựa câu thấp thoáng.  
Thì phải sợ sương đông chớp sáng,  
đám lợi danh hình lửa đá lập lòe.<sup>1</sup>  
Gương âm dương soi vạn cổ không lò,  
cân họa phúc nhắc hai đồng chẳng mếch.  
Đức A Nan Mông Sơn thí thực,  
vậy thân sau khỏi chốn luân hồi.  
Đức Mục Liên<sup>2</sup> phá ngục độ thân,  
mà mạng được vẹn bề báo đáp.  
Ấy kẻ trước mở lòng ra thế nhẽ,<sup>3</sup>  
huống người sau tìm đạo chẳng noi ru?  
Sãi tôi nay:  
Cẩn giữ lẽ thường, tin cầm nghĩa cả.  
Đạo giải quá<sup>4</sup> thấy lời kinh Thủy Sám,  
nước cam lồ nhờ rẫy sạch bụi trần;

---

<sup>1</sup> Ý nói chuyện lợi danh thoát có thoát không, chẳng có gì là bền chắc.

<sup>2</sup> Tức là Mục Kiền Liên, vị đệ tử lớn của Phật, được xưng là Đại Hiếu.

<sup>3</sup> Như thế ấy.

<sup>4</sup> Giải quá: xóa lỗi

Chữ tu nhân nghe câu kệ Kim Cương,<sup>1</sup>  
gươm bảo huệ mượn dứt không niềm tục.  
Vây phải hò làm<sup>2</sup> việc phước,  
dám xin mở tấm lòng hàng!<sup>3</sup>  
Nay phổ khuyến.

## QUAN ÂM TỔNG TỬ VĂN <sup>4</sup>

### *Cụ Ba Voi*

Nông nổi chân bèo khách địa,  
phận phù sanh về với kiếp thiêu hôi;<sup>5</sup>  
Ngậm ngùi gốc tử cố hương;  
lời vĩnh quyết<sup>6</sup> theo cùng dòng mặc lệ!<sup>7</sup>  
Khuất mặt gọi để sau làm dấu;  
khấu đầu vâng dẫn trước xin thưa:  
Thuở thác sanh vào chốn hoa tông,<sup>8</sup>  
phận xử nữ<sup>9</sup> dám lừa gương hiếu kính;

---

<sup>1</sup> Tức kinh Kim Cang

<sup>2</sup> Hò làm: cùng nhau làm

<sup>3</sup> Tấm lòng xưa nay

<sup>4</sup> Đây là lời trong thư của bà Thị Kính gửi con đưa về hầu cha mẹ khi bà sắp chết. Tương truyền là của cụ Ba Voi ở làng Thọ Ích (thuộc tỉnh Vĩnh Yên bây giờ) làm ra. Cụ sanh nhằm thời kỳ cuối Lê đầu Nguyễn.

<sup>5</sup> Thiêu: đốt, hôi: tro, theo phép Phật, nghĩa là lên đàn hỏa đốt mình thành tro trong khi thiền sư qui hóa.

<sup>6</sup> Vĩnh quyết: dứt nhau mãi mãi

<sup>7</sup> Mặc lệ: nước mắt hòa mực, nghĩa là viết thư trong lúc vô cùng đau khổ.

<sup>8</sup> Hoa tông: dòng giống về vang.

<sup>9</sup> Xử nữ: con gái chưa chồng ở nhà.

## Tam bảo văn chương

---

Khi tác hợp nhờ tay nguyệt lão,  
    bạn lương nhân<sup>1</sup> bao trẽ dạ trinh thuần.  
Nghĩ một bề trọn đạo nghi gia;<sup>2</sup>  
    để dôi đức đành lòng nguyện thất.<sup>3</sup>  
Duyên kết tóc mới nên lời nguyện ước,  
    chỉ đào lá thắm trăm năm;  
Nỗi cắt râu ai rắp mối oan khiên,  
    cầu Thuốc sông Ô đôi bến.  
Cầm ngọc đã đành ngang khúc phượng,  
    lầu hồng thêm để thẹn gương loan.  
Mai chia cành,<sup>4</sup> chạnh nỗi phu thê,  
    chéch mác buồn duyên ngàn dặm nguyệt;  
Dâu ngã bóng,<sup>5</sup> cảm tình phụ mẫu,  
    dở dang cửa đức một chồi hoa!  
Hải sanh xưa chưa trọn đường tu;  
    nên nợ cũ còn theo quả kiếp?  
Hương mật đảo luống trông vời Bắc Đẩu,  
    tiếng quyên dứt nỗi buổi tàn canh.  
Nước giải oan còn khơi suối Tây thiên,

---

<sup>1</sup> Lương nhân: người chồng hiền lành.

<sup>2</sup> Nghi gia: hòa hiệp người nhà chồng. Kinh Thi: Chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân (Cô kia về nhà chồng, hòa hiệp với người trong nhà.)

<sup>3</sup> Nguyện thất: muốn cho con trai mình có vợ. Kinh Lễ: Sanh nam nguyện vị chi hữu thất (Sanh con trai muốn cho nó có vợ).

<sup>4</sup> Nghĩa là vợ chồng chia rẽ nhau.

<sup>5</sup> Mặt trời khi lặn còn lưu lại bóng sáng tại trên ngọn cây dâu ở phía tây, cho nên nhà văn dùng mượn làm nghĩa: lúc tuổi già của đời người ta. Vương Hy Chi nói: Niên tại tang du (Tuổi ở cây dâu, cây bưởi) (Thế Thuyết)

## Các thể văn biên ngẫu

---

giác bướm đi về nơi Lạc thổ.  
Đã ly biệt lỗi cùng nhất nhật;<sup>1</sup>  
phải tu hành độ lấy tam sanh.<sup>2</sup>  
Ngẫm duyên xưa mình xót một mình,  
cả lòng quyết thay xiêm đổi áo;  
Tối cảnh lạ bước dừng nửa bước,  
bạch thầy xin thấp nển, dâng nhang.  
Mặt vâng chữ Kính là tên;  
tai lắng lời răn để dạ.  
Bèo bọt trôi về bể Thích,  
biết thân này đã chắc Phật hay Tiên;  
Sông nâu ngã xuống màu thiên,  
đành quả ấy phải nguyên non với nước.  
Miễn con trẻ vui về thú tịnh;  
họa trời già xét đến niềm trai.  
Tưởng cảnh nhà khi trận hạn ghét sương,  
hiếu, nghĩa đôi đường còn tui tỹ;  
Lắng tiếng kệ thuở chày kinh nện nguyệt,  
sắc, không hai chữ sẽ nguôi lần.  
Thiện căn<sup>3</sup> hằng khuya sớm vun trồng;  
Phúc ấm<sup>4</sup> họa mai sau trọn vẹn.

---

<sup>1</sup> Nhất nhật: nghĩa là một ngày cũng là duyên nợ vợ chồng. Cổ thi: Nhất nhật vi phu thê (Một ngày làm vợ chồng).

<sup>2</sup> Tam sanh: ba đời: đời trước, đời này và đời sau (Truyện Đăng lục).

<sup>3</sup> Thiện căn: cội lành

<sup>4</sup> Phúc ấm: bóng mát cây phước.

## Tam bảo văn chương

---

Dưa muối chồn người ưa với cảnh,  
dám để hơi trần chướng<sup>1</sup> lọt vào;  
Trăng hoa khen nhà khéo sanh con,  
bỗng đem mối phong tình<sup>2</sup> buộc lại!  
Nghịch còn nặng, lòng từ khôn lẽ chối;  
tình có ngay mắt tục dễ ai tin.  
Phép công hổ tiếng tiểu Tăng,  
giọt nước càn dương<sup>3</sup> bao rửa bụi;  
Khoán cũ nặng lòng sư trưởng,  
đóa mây đỉnh Thấu<sup>4</sup> cũng tuôn sâu!  
Rắp bạch sông cho rõ mặt nhân gian;  
song tu trót kéo thẹn lòng Thượng giới.  
Dây chân dấm dày sân Tĩn địa,  
giữ chiền ra tựa mái Tam quan;<sup>5</sup>  
Vốn lòng từ chẳng thẹn nén chân nhang,  
niệm lạy về nơi Cửu tự.<sup>6</sup>

---

<sup>1</sup> Trần chướng: sự chướng ngại trong chốn trần gian.

<sup>2</sup> Phong tình: Tình cảm về chuyện gió trăng, chỉ Thị Mầu.

<sup>3</sup> Pháp uyển châu lâm: Phép Phật dùng nhánh dương liễu nhúng vào bình tịnh thủy (nước trong sạch) để rửa trần cấu hay là oan khiên cho chúng sanh.

<sup>4</sup> Núi Thấu ở nước Ấn Độ, Phật thường ở đó, trên chót hình đầu con chim Thấu, cho nên người thành Vương Xá gọi tên là núi Linh Thấu.

<sup>5</sup> Tam quan: cũng là Tam môn, nghĩa là ba cửa. Thích thị yếu lâm: Nhà chùa mở ba cửa: cửa Không, cửa Vô Tướng, cửa Vô Tác.

<sup>6</sup> Cửu tự: tức là Cửu phẩm liên đài (Chín phẩm tòa sen). Người tu hành niệm Phật, sau khi chết được vãng sanh Tịnh Độ, tùy theo nghiệp tu mà được hóa sanh vào một trong chín phẩm tòa sen cao hay thấp.

Bể khổ chìm bao được nổi;  
nợ trần trả chữa hay xong.  
Nhai sương mớm tuyết chịu cho ai,<sup>1</sup>  
ngoài chín tháng đôi tay con nhện mọn.  
Dãi gió dù sương liều với kiếp,  
trong ba thu một xác cái ve gầy.  
Xa xôi bao quản cửa Già Lam;  
tươi héo khôn nài cơ tạo hóa.  
Cảnh vắng nào thầy, nào tiểu,  
giọt nước đồng thánh thốt thuở trăng khuya;  
Đền tàn bên mõ, bên con,  
mồ hôi đá đầm đìa cơn gió thoảng.  
Giấc trần mộng nằm lâu cũng mỗi;  
bạn kim sanh đến thế là thôi.  
Lỗi sanh nên phải bước bèo mây,<sup>2</sup>  
đôi gánh cù lao<sup>3</sup> chôn lại nặng;  
Vụng hóa chưa tròn duyên thông suốt,<sup>4</sup>  
một thơ thê oán<sup>5</sup> gửi về không.  
Đã cam kiếp ấy chốn sông Ngân;  
bao biết thân sau vào cửa phúc.

---

<sup>1</sup> Ai: ở đây chỉ là Thị Mâu.

<sup>2</sup> Rể bèo, chân mây: tỷ người lưu lạc giang hồ.

<sup>3</sup> Thơ Lục Nga trong Kinh Thi kể công ơn cha mẹ sanh dưỡng có câu: Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao. (Thương thương cha mẹ, sanh ta khó nhọc).

<sup>4</sup> Duyên tu hành dưới cành thông, bên khe suối.

<sup>5</sup> Thê oán: oán hận thiết tha.



## Tam bảo văn chương

---

Hồn hồ điệp<sup>1</sup> từ đây muôn kiếp,  
nước non diệu vợ biết con đâu;  
Nghĩa minh linh<sup>2</sup> cũng gọi một ngày,  
hương khói mai sau đành chán đấy.  
Tình dài vẫn thêm rầu khúc vượn;  
Đường xa xôi nên mượn cánh hồng.

---

<sup>1</sup> Hồ điệp: con bướm. Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa thân con bướm, tỉnh ra không biết là mình hóa thành bướm hay bướm hóa thành mình. (Trang tử).

<sup>2</sup> Minh linh: con nhện, ý nói con nuôi, bởi vì con vò vò hay nuôi con nhện non ở trong ổ.

## II. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo đối với dân ta

Đời sống của dân tộc Việt Nam ta mà được thâm trầm, thuần nhã, thanh đạm, tinh vi, một phần lớn là nhờ được sức cảm hóa của ngôi Tam Bảo vậy. Đạo lý từ bi của đức Phật truyền sang xứ ta kể ra đã trên dưới hai ngàn năm,<sup>1</sup> một nền đạo lý trọng sự hỷ, xả, ái, mẫn; khuyên sự thương các chúng sanh như thương mình, một nền đạo lý dung hợp với tâm trí của mọi hạng người; chẳng luận già, trẻ, gái, trai, sang, hèn, tại gia hoặc xuất gia, con thuyền *Bát-nhã* đều độ thoát cho hết, ngọn đuốc quang minh đều soi sáng cho hết mà dẹp đi những mối chướng ngại si mê.

Ai có quan tâm mới thấy rõ cái ảnh hưởng thâm thúy, êm đềm ấy phát lộ ra trong cuộc sanh hoạt của dân ta, từ lời nói đến hành vi hằng ngày. Người viết bài này đã từng đi đó đi đây, đã từng giao tiếp với các hạng người trong khắp ba Kỳ<sup>2</sup>, đã nhận thức

---

<sup>1</sup> Theo giáo sư Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật Giáo sử luận, đạo Phật đã được các tăng sĩ Ấn Độ đi đường biển truyền trực tiếp vào nước ta từ rất sớm, có thể là khoảng đầu Công nguyên. Đây là lý do vì sao trong các truyện dân gian vẫn dùng chữ Bụt (phiên âm từ tiếng Phạn là Buddha) thay vì là chữ Phật (phiên âm từ chữ Hán là 佛) như ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc về sau này.

<sup>2</sup> Tức ba miền Nam, Trung, Bắc của nước ta, dưới chế độ thực dân Pháp ngày trước chia làm Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

cái ảnh hưởng ấy mà sanh ra một mối cảm mến thấm thiết, dịu dàng.

Nay muốn chỉ ra cái ảnh hưởng thâm trầm, thuần nhã của đạo Phật để cống hiến cho chư độc giả thiện tâm, tưởng nên nương theo những lời ăn tiếng nói của quốc gia ta, những câu ca dao bất văn, cùng những áng văn thơ của các hàng thi nhân, văn sĩ, thì quý vị sẽ nhận ra một cách dễ dàng vậy. Tuy gần đây, dân tộc ta tiếp xúc với văn minh, tập tục và tôn giáo người Âu Tây mà cái ảnh hưởng ấy có bề phai lạt đi ít phần trong một thiểu số người ở thị thành, chứ cái tinh thần đạo Phật vẫn vững bền trong hầu hết chốn dân gian, vẫn trường tồn ở nơi thôn dã.

## A. ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔI TAM BẢO TRONG LỜI ĂN TIẾNG NÓI

Một người dân bình thường ở nước ta trong cuộc sống hằng ngày đều rất trọng tội, phước; cho nên tự họ không muốn gây ra những tội ác bằng tay chân, bằng lời nói, bằng tâm ý, mà lại còn khuyên can mỗi khi thấy người khác sắp phạm sai lầm, và rất buồn mà thấy những ai làm đau khổ kẻ chung quanh. Cái lòng trắc ẩn ấy phổ cập đến hạng cầm thú và cả loài thảo mộc nữa.

Không nói đến người đã từng thọ giới nhà Phật thì giữ thân, lời nói, tâm ý đều dè dặt và thanh cao đã đành, mà một người tầm thường ăn buổi mai lo buổi chiều, không biết chữ mà xem kinh kệ, không mấy khi rồi rãnh mà đến lạy Phật, lạy thầy, người ấy cũng vẫn thâm nhiễm sự từ bi, hỷ xả tự lâu đời của dân tộc, cũng biết *thương người như thương thân* vậy.

Nhờ thấm nhuần những lý tội, phước, luân hồi, nghiệp báo từ khi còn nhỏ, người Việt Nam ta không dám ăn ở sai lạc đối với những lý công bằng, tinh vi ấy. Cái lòng hiền hậu đó thường phát lộ ra lời ăn tiếng nói. Chính họ chịu lấy ảnh hưởng thâm trầm của đạo Phật mà không hay biết. Họ thường dùng những danh từ trong văn chương, trong kinh điển đạo Phật, thế mà họ vẫn cho là những danh từ thông dụng xưa nay. Lắm lúc họ dùng có sai lạc, nhưng sự đó càng tỏ ra rằng ảnh hưởng ngôi Tam Bảo thấm nhuần vào tâm trí của họ tự lúc bé thơ!

## Tam bảo văn chương

---

Mỗi khi thấy ai ăn ở nhân đức, hay cứu giúp người trong cơn hoạn nạn, tật bệnh, người bình dân thường hay bảo rằng: “*Tội nghiệp*, ông ấy hiền từ hết sức!” Mỗi khi lâm cơn nguy biến mà cầu cứu ai thì họ nói: “*Tội nghiệp*, ông ra ơn giúp tôi một lần. Ông làm sự ấy bằng *cát năm bảy cảnh chùa*.” Tỏ lòng biết ơn với ai thì họ thốt lên rằng: “*Kiếp sau, nguyện làm thân trâu ngựa* mà trả nghĩa sâu.”

Mong ai mở lòng quảng đại thì họ van rằng: “Xin mở lòng *Bồ Tát*, tỏ đức *hiếu sanh*, ra tay *tế độ*.”

Mỗi khi thấy ai ở ác, họ cũng dùng nhiều danh từ về đạo Phật mà họ cho là rất thắm thía, xác đáng. “Anh ấy làm chuyện ác đó bằng *phá chùa phá miếu*. Tội ấy dù *tu mấy kiếp* cũng chẳng đền bù. Chừng thác, đổ chạy đâu cho khỏi *Địa ngục*.” Thấy ai nói láo nói xược, họ trách rằng: “không sợ *quỷ sứ* *cát lưởi*.”

Thấy ai ăn nói ngang tàng, hay gây gổ thì họ bảo: “hay *sân sĩ*”. Thấy những con gái trác nết, họ than rằng: “Không sợ vào *địa ngục*.” Hoặc họ đọc lên câu tục ngữ này: “Có chồng mà lại lấy trai, thác xuống *âm phủ*, *cửa hai* nấu dù.”

Thấy những kẻ nói năng êm dịu mà lòng độc dữ, họ bảo rằng: “Thật là *khẩu Phật tâm xà*.”

Thấy ai ăn ở hiền đức hưởng sự giàu sang, họ nói rằng: “Có phước, *tu nhân tích đức*.” Thấy ai tướng tốt, uy nghi, thuần hậu, họ khen rằng: “*tiên giáng thế*”.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

Về đường tình ái, họ cũng dùng lăm danh từ trong văn chương nhà Phật: “Có *duyên* ngàn dặm cũng gần, vô *duyên* dù gặp mấy lần cũng xa.” “*Nhân duyên tiền định, duyên nợ ba sanh...*”

Thấy ai có tài mà sa sút, lâm cơn hoạn nạn, thì họ thương mà than rằng: “*Tài mạng tương đố, bạc mạng, nghiệp chướng*”. Hoặc họ an ủi rằng: “*Tại phần số, gặp bước phong trần, song cũng có ngày vinh hiển, thôi đừng phiền nã, phiền muộn.*”

Trong sự buồn về gia thế, về nỗi phu thê, tình phụ tử, người bình dân ta hay than trách rằng: “*Tội báo oan gia, tiền căn hậu báo, rõ ràng là cảnh Địa ngục.*”

Than phiền những cảnh đời đổi trong đời, những sự thành bại quá mau, họ gọi rằng: “*Cơn dâu bể, tuồng ảo hóa, bể khổ bến mê, bể trần, bể trầm luân.*”

Sống trong cuộc đời bình dị, họ cho là: “*muối dưa đắp đổi tháng ngày.*”

Có ăn năn sự lỗi, họ đổ cho là: “*Ma dất lỗi, quý đưa đường.*”

Buồn rầu mãi không khuây, họ than rằng: “*lửa phiền càng dập càng khô mồi phiền.*”

Thấy những đám đông đảo, họ bảo: “*đông như La-hán, hàng hà sa số...*”

Muốn biện minh lòng ngay thật của mình cho khỏi người ta nghi oan, họ kêu lên: “*Chín phương trời, mười phương Phật...*”

## Tam bảo văn chương

---

Thấy ai ngồi im lìm chẳng cử động, họ bảo là “ngồi từ bĩ”.

Uống nước gì ngon mà họ khoái chí, thì họ cho là: “nước cam lồ”.

Ai cầu nguyện sự chi rất khó, thì họ khuyên nên “*ăn chay, nằm đất*”. Có khi họ dùng tiếng ấy một cách mỉa mai đối với hàng phong lưu trong cơn rủi bước, lạc đường.

Cũng có lúc họ nói cợt mà chỉ ra sắc đẹp lộng lẫy của hàng phụ nữ: “Dù cho *Phật Bồ Tát* cũng phải sa!”

Tóm lại, dù vui, dù buồn, dù sướng, dù khổ; ở trong cảnh thường, hay cảnh biến, dù ăn nói nghiêm trang hay giễu cợt, dù khen tặng hay than van, người bình dân ta thường dùng một cách vô tâm những danh từ nhà Phật mà họ từng quen thuộc từ lúc lên ba!

Cái ảnh hưởng thuần lương, thâm thúy ấy lại càng tỏ ra trong những khi họ hùng chí, xúc cảm đối với nước non, đối với ái tình, thương cha nhớ mẹ mà ngâm bắt vần thành những bài ca dao chất phác, ngộ nghĩnh, êm đềm.

## B. ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔI TAM BẢO TRONG NHỮNG CÂU CA ĐẠO

Đạo lý từ bi của Phật rất dễ cảm hóa tấm lòng thanh bạch của nam nữ thanh niên. Mỗi khi rỗi rãnh việc đồng áng hay việc dệt vải quay tơ, hoặc nhằm những ngày lễ Phật, Tết Nguyên Đán, rằm tháng giêng, mồng tám tháng tư, rằm tháng bảy, cùng là nhằm những ngày vía Phật, những ngày rằm, mồng một, thì hàng thiếu niên hoặc theo cha mẹ, hoặc rủ nhau đi chùa. Bấy giờ nơi am thanh cảnh tịnh, ngoài thì hoa đẹp, cỏ thơm, không khí mát mẻ, khỏe khoắn, nhẹ nhàng, trong thì mấy tượng Phật đầy vẻ từ hòa dường như đang tìm những sự tùy phương mà tế độ chúng sanh, cùng với khói trầm nghi ngút khiến cho lòng trần thấy dứt mà lòng đạo phấn chấn lên. Rồi đến khi viếng thầy, một vị hòa thượng cao niên, ăn nói hiền hòa, nhu mì, tùy thuận căn cơ mà khuyến khích hoặc an ủi mình, thì người thanh niên ta rất lấy làm cảm mến, dường như trút sạch gánh ưu sầu, phiền muộn. Lại có khi được nghe vị pháp sư giảng câu kinh, nghĩa kệ; từ trên ngôi cao, những lời khuyên làm lành, lánh dữ, tu phước, trồng duyên, rót vào tai mình một cách cao thượng, thanh tao, người thanh niên cùng người bình dân nam nữ ta lắm khi ứa lệ vì quá cảm cái sự hiền lành.

Sau khi ấy, trở về nhà, hoặc nằm trên võng mà ru em, hoặc trong khi giã gạo đôi ba bạn muốn hò ăn nhịp cho



## Tam bảo văn chương

---

quên sự lâu dài, hoặc đương khi thả thuyền theo rạch nhằm lúc trăng trong mà động đến nguồn thơ, bấy giờ họ mới ca hát bắt vần cho vui. Những câu ca dao ấy phần nhiều là về hiếu, về tình, về tình hiếu xen lẫn, có khi cũng bàn qua vài việc thế sự luận đàm. Trong khi cảm hứng ấy, họ không quên ngôi cổ tự, họ vẫn nhớ vẻ mặt từ hòa của đức Phật, đức Bồ Tát, họ vẫn mến cái đức thuận hậu của vị hòa thượng hoặc vị pháp sư, và họ còn canh cánh bên lòng những lý thiện phước từ trong kinh kệ đưa ra.

Cho nên trong nhiều câu ca dao có thắm nhuần tinh thần của ngôi Tam Bảo.

*Như về hiếu thì:*

Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời,  
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Đã đành thọ phép Di Đà,  
Hiếu trung giữ trọn, gian tà mặc ai

Vô chùa thấy Phật muốn tu,  
Về nhà thấy mẹ, công phu không đành.

Tu đâu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha kính mẹ, hơn là đi tu.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

*Như về tình thì:*

Ngó lên am tự chùa vàng,  
Tu thì đặng đó, bỏ nàng ai nuôi?

Anh đi lưu thú Bắc Thành,  
Bỏ em khô héo như nhành từ bi.

Chữ rằng phú quý tại thiên,  
Vì ai nên nổi bạn hiền gian nan.

Người đời ai khỏi gian nan,  
Gian nan có thuở, thanh nhàn có khi.

Phải chi lên đặng Ngọc Hoàng,  
Lén coi sổ bộ duyên nàng về ai.

Bé thơ chi đó dễ dành,  
Chẳng qua duyên nợ, bậu đành hay không?  
Tượng linh dù rách cũng thờ,  
Lỡ duyên anh chịu, mong chờ tin em.

Sông dài cá lội biệt tăm,  
Phải duyên phu phụ, ngàn năm cũng chờ.

Trên trời vẫn vũ,  
Dưới âm phủ đá dựng tư bề.

## Tam bảo văn chương

---

Làm sao cho trọn chữ phu thê,  
Đây chồng đó vợ, ra về có đôi.

Sóng bên doi bỏ vôi bên vịnh,  
Anh với nàng trời định đã lâu.

Cơ trời dâu bể đa đoan,  
Tơ duyên vấn vỏi, thiếp chàng xa nhau.

Thân em buôn bán tảo tần,  
Lòng anh sao nở ty trần xuất gia.

Đặt bàn thệ nguyện giữa trời,  
Sao hôm có lặn, còn lời sao mai.

Phải chi cao đất thấp trời,  
Hỏi thăm duyên nợ đời đời thế nao.

Chim bay về núi Điện Bà,  
Phân chồng rẽ vợ, ai mà chẳng thương.  
Nghĩ nào mà lại tuôn rơi,  
Thấp nhang mà lạy Phật trời định phân.

*Về tình, hiếu xen lẫn thì:*

Lưu ly nửa nước nửa dù,  
Nửa thương cha mẹ, nửa sâu căn duyên.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

Mình hòa, phụ mẫu không hòa,  
Căn duyên để vậy, hay là dứt đi?

*Về thế sự luận đàm hoặc về các mối cảm đối với nhà Phật thì:*

Chuông già đồng điệu chuông kêu,  
Gái khôn trai dốt lâu ngày cũng xiêu.

Tưởng là chùa rách Phật vàng,  
Hay đâu chùa rách chứa đàng quỷ ma.

Tội người, vô số Di Đà,  
Còn mang chuỗi hột, áo già làm chi.

Con vua thì được làm vua,  
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.

Muốn đi tu, công phu chưa có,  
Muốn ở chùa, chuông mõ cũng không.  
Đã đành cắt tóc đi tu,  
Một ngày của Phật, mười thu cõi trần.

Tai nghe chuông mõ vang vầy,  
Ghé vô am tự nghe thầy giảng kinh.

## C. ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔI TAM BẢO TRONG NHỮNG ÁNG VĂN THƠ

Chẳng riêng gì hạng bình dân, chẳng riêng gì trang niên thiếu, mà ngay trong hàng thượng lưu trí thức, trong bậc trung niên và lão thành cũng chịu ảnh hưởng tinh vi của đạo Phật nữa. Bậc sĩ phu của ta đã từng cảm mến giáo lý từ bi của đạo thiên, và các hàng tao nhân mặc khách, các tay thi bá, văn nhân đều thừa hưởng tinh thần nhà Phật. Cho nên trong các áng văn thơ, trong tuồng, truyện từ xưa đến nay, ta thường thấy có lấm danh từ của nền văn chương Phật học.

Lại có nhiều chương, nhiều đoạn nương sức tiếp trợ của một nhà chùa, mượn sự cứu hộ của một nhà sư, nhờ sức tế độ của một đức Phật, của một đức Bồ Tát mà thành ra thâm thúy và nghiêm trang. Kìa như một tay anh hùng vì háo nghĩa, giết phường ỷ thế hiếp cô, tự bó tay để cho người ta làm tội, rồi vượt ngục, vào tá túc nơi nhà chùa xem kinh đọc kệ:

*Vừa may mà gặp chùa này,  
Mai danh ẩn tích bấy chầy nấu nương.*

Lại như một trang thư sinh lỗi lạc, nhưng gặp lúc cùng đồ, thân mang bệnh ngặt, thế mà được các sư nuôi nấng cho trong mấy năm trường:

*Ai đi, chùa bần bạc đã không bốn vách,  
Còn cậu tôi bệnh trầm kha lại giáp ba năm...*

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

*Thưa thưa, lòng kính thành bái tạ cao tăng,  
Dặm diêu viễn trông chừng làng hạnh...  
Diêu viễn, trông chừng làng hạnh,  
Cúi đầu từ, đài kính cửa Không...*

Lại nữa, như một trang thực nữ, muốn giữ tròn chữ trung, chữ hiếu, chữ tiết, chữ trinh, bèn gieo mình xuống ngọn thủy triều, thì:

*Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời,  
Sóng thần đưa đẩy vào trong bãi rày...  
Xiết bao sương tuyết đêm đông,  
Mình nằm giữa bãi lạnh lòng ai hay.  
Quan Âm thương đứng thảo ngay,  
Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa...*

Đó là những chương, những đoạn trong thơ văn, truyện tích, nhờ sức từ bi của Tam Bảo, tô điểm cho thêm phần trân trọng. Lại còn biết bao thơ, tuồng, truyện, lấy lý nhân duyên, nghiệp quả, lấy tiền căn hậu báo, lý hết *cơn bĩ cực đến hồi thối lai* của nhà Phật mà làm đề; thâm ý của thi nhân, văn sĩ là muốn nêu gương lánh dữ làm lành cho nhân dân. Ấy nhờ cảm cái tinh thần đạo Phật mà các vị ấy cộng tác vào cuộc chấn hưng nền thuần phong mỹ tục trong nước đó.

Ngoài sự nương vào ngôi Tam Bảo mà lấy tích và làm đề cho những áng văn chương, các bậc thi nhân, văn sĩ ta lại còn nhờ ảnh hưởng của Phật,

## Tam bảo văn chương

---

Pháp, Tăng trong sự hành văn của mình nữa. Trong mỗi áng văn, thơ, ta đều thấy rất nhiều danh từ văn chương nhà Phật.

Về việc này, ta có thể phân các thi nhân, văn sĩ của ta ra hai nhóm. Một nhóm những người chưa từng đọc qua kinh sách nhà Phật, và một nhóm vốn đã lâu thông đạo lý diệu huyền. Nhóm thứ nhất nhờ cảm mến giáo lý từ bi do các sách ngoài hoặc do xã hội Việt Nam mình đã từng chịu ảnh hưởng lâu đời của Tam Bảo mà hay dùng những danh từ nhà Phật trong lúc hành văn. Còn nhóm thứ hai thì nhờ có hâm mộ triết học nhà Phật, thường viếng chùa, xem kinh, cho nên trong sự hành văn thường dùng danh từ nhà Phật mà văn chương có bề lưu loát, thâm trầm và siêu việt hơn.

Như *Nguyễn Đình Chiểu (Đô Chiểu)*, *Bùi Hữu Nghĩa (Thủ khoa Nghĩa)* không mấy khi xem kinh Phật; còn *Nguyễn Du*, *Đoàn Thị Điểm* và tác giả vô danh của quyển *Quan Âm Thị Kính* thì rất hâm mộ văn chương Phật học, rất tinh thông về Phật lý. Tuy vậy, bên nào cũng có được ảnh hưởng nhà Phật trong thi văn của mình.

Dưới đây, muốn làm rõ những ảnh hưởng ấy, tôi xin trích ra những đoạn văn trong các quyển: *Lục Vân Tiên*, *Kim Thạch Kỳ Duyên*, *Kim Vân Kiều*, *Cung oán Ngâm Khúc* và *Quan Âm Thị Kính*.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

Trong Lục Vân Tiên ta thấy:

*Có người ở quận Đông Thành,  
Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền.*

*Trực rằng: chùa rách Phật vàng,  
Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.*

*Những lăm công toại danh thành,  
Nào hay từ mẫu u minh sớm đời.*

*Dù cho chước quý mưu thân,  
Phong trần ai cũng phong trần như ai.*

*Có thân phải khổ với thân,  
Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may.*

*Thỉnh ông Phật Tổ A Di,  
Thập phương chư Phật phù trì giúp công.*

*Dù cho tài trí bậc nào,  
Gặp cơn nguy biến biết sao mà nhờ.*

*Oan gia nợ đã khéo gây,  
Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.  
Nên, hư có số ở trời,  
Bôn chôn sao khỏi, đời đời sao xong.*



## Tam bảo văn chương

---

Người đời như bóng phù du,  
Sớm còn, tối mất, công phu lỗ làng.

Dương gian nay chẳng đặng gần,  
Âm cung biết có thành thân chẳng là.

Con xin sang lạy Lục Ông,  
Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên.

Hiu hiu gió thổi ngọn cây,  
Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha.

Người ngay, Trời Phật cũng vưng,  
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.

Khi khuya nằm thấy Phật Bà,  
Người đà mách bảo nên già tới đây.

Đoạn này đến thứ ra đời,  
Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền.  
Nửa đêm nằm thấy ông Tiên,  
Đem cho chén thuốc, mắt liền sáng ra.

Suối vàng hồn mẹ có linh,  
Chứng cho con thảo, lòng thành ngày nay.  
Xưa nay những đứa vô nghi,  
Dù cho có sống làm gì nên thân.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

*Trịnh Hâm bị cá nuốt rày,  
Thiệt trời báo ứng lẽ này rất ưng.*

*Thấy vậy nên dừng dừng, dừng,  
Làm người ai nấy thì đừng bất nhân.*

*Oan gia nợ ấy trả xong,  
Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời.*

*Trời kia quả báo mấy hồi,  
Tiếc công son điểm phấn dôi bấy lâu.*

Trong Kim Thạch Kỳ Duyên ta thấy:

*Nghiêng vai, ngửa vái Phật Trời,  
Đương cơn hoạn nạn, độ người trầm luân.  
Gần đây nợ sẵn am vân,  
Vào đó họa nhờ thang thuốc.*

*Ứng ai chư phương Phật, ơn chín Trời mười Phật,  
cứu nạn sĩ siêu sanh.*

*Tôi nói thật, sau nhỡ dù gặp vận thối hanh,  
lòng khẩn nguyện sùng tu Phạm võ.<sup>1</sup>*

*Oan kết theo hồn Tinh Vệ,  
Lụy rơi hóa huyết Đổ Quyên.*

<sup>1</sup> Phạm võ: chỉ những nơi chùa chiền.

## Tam bảo văn chương

---

Mênh mông sóng thắm bủa đầu thuyền,  
Lai lảng gió sâu xao mặt nước.

Phú quý tợ môn tiên tuyệt,  
Còn ân tình như thảo thượng sương.

Chữ dinh hư hữu số,  
Tình chung thử bất vong  
Công danh như bào huyễn.  
Phú quý tợ phù vân.

Hoa viên kíp tới, mặt ngọc tỏ trình,  
Cơn rúa chừ, đong đưa một chiếc thuyền tình.

Dù Kim Ngọc là Phậ, Bô Tát đi nữa,  
Là cũng phải:  
Chìm đắm mấy con sóng sắc, chớ.

Tôi có nghe trên chùa Thiên Trúc làm chay,  
Chừ, thất thẻo ruột tằm quá đói.  
Lần hồi chân gượng phải đi,  
Họa là nhờ cửa từ bi,  
Ngõ đặng qua cơn khổ não.

Vẳng nghe mô cá chuông kình,  
Gượng lần bước tới ngõ đàn húa duyên.  
Tham những giàu sang trước mắt,  
Ai dè cực khổ sau lưng.

*Mình làm ra sự tệ,  
Trời thật có mắt coi.*

Trong Truyện Kiều ta thấy:

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

*Âu đành quả kiếp nhân duyên,  
Cũng người một hội một thuyền dâu xa.*

*Ví chẳng duyên nợ ba sanh,  
Làm chi những thói khuynh thành trêu người.*

*Tái sanh chưa dứt hương thê,  
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.  
Nợ tình chưa trả cho ai,  
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan.*

*Trông ra ngọn cỏ lá cây,  
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.*

*Nào hay chưa hết trần duyên,  
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.*

## Tam bảo văn chương

---

Rủ rằng: Nhân quả dở dang,  
Đã toan trốn nợ đoan tràng được sao?  
Số còn nặng nghiệp má đào,  
Người dù muốn quyết, trời nào đã cho

Đánh liều nhấn một hai lời,  
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.

Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi.

Vẻ chi chút phận bèò mây,  
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.  
Trăm điều ngang ngửa vì tôi,  
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho.

Người này nặng kiếp oan gia,  
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho?  
Khi chèo chén, khi thuốc thang,  
Đem lời phương tiện, mở đường hiếu sinh.

Đã đành túc trái tiền oan,  
Cũng liều ngọc nát, hoa tàn mà chi!

Lãnh lời nàng mới theo sang,  
Biết đâu địa ngục, thiên đường là đâu.

Tìm đâu cho thấy cố nhân,  
Lấy câu vận mạng, khuây dần nhớ thương.

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

Bể trần, chìm nổi thuyên duyên,  
Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời.

Sinh rằng: Thật có như lời,  
Hong nhan bạc mệnh, một người nào vay.  
Nghìn xưa âu cũng thế này,  
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.

Phật tiên, thăm lấp sâu vùi,  
Ngày pho thủ tự, đêm nhồi tâm hương.  
Cho hay giọt nước cành dương,  
Lửa lòng, tưới tắt mọi đường trần duyên.

Sớm khuya lá bối phướn mây,  
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.

Đầu xanh đã tội tình gì,  
Má hồng đến quá nửa thì, chưa thôi.

Người sao hiếu, nghĩa đủ đường,  
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?

Sư rằng: Phúc họa đạo trời,  
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.  
Có trời mà cũng tại ta,  
Tu là cỗi phúc, tình là dây oan.

## Tam bảo văn chương

---

*Sư rằng: Song chẳng hề chi,  
Nghệp, duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều.*

*Khi nên trời cũng chiều người,  
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.*

*Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,  
Tiền Đường thả một bè lau rước người.*

*Trước sau cho vẹn một lời,  
Duyên ta mà cũng phúc trời dư không.*

*Tám thành đã thấu đến Trời,  
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.*

*Còn nhiều hưởng thọ về sau,  
Duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào.*

*Một nhà chung chạ sớm trưa,  
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.*

*Đã đem mình bỏ am mây,  
Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.*

*Mùi thiên đã bén muối dưa,  
Màu thiên ăn mặc đã ưa nâu sồng.*

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

Sự đời đã tắt lửa lòng,  
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.  
Dở dang, nào có hay gì,  
Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi.

Gẫm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần, phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Có đâu thiên vị người nào,  
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.  
Có tài mà cậy chi tài,  
Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Đã mang lấy nghiệp vào thân,  
Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.  
Thiện căn ở tại lòng ta,  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Trong Cung oán ngâm khúc ta thấy:  
Vất tay nằm nghĩ cơ trần,  
Nước dương muốn rẫy nguội lằn lửa duyên.

Kìa thế cuộc như in giấc mộng,  
Máy huyền vi mở đống khôn lường.  
Vẻ chi ăn uống sự thường,  
Cũng còn tiền định, khá thương lọ là.



## Tam bảo văn chương

---

Gót danh lợi bùn pha sắc sạm,  
Mặt phong trần nắng r ám mùi d ầu.  
Nghĩ thân phù thế mà đau,  
Bọt trong bể khổ, bèu đầu bến mê.

Mùi tục lụy, l ưỡi tê tân khổ,  
Đường thế đồ, gót r ỏ khi khu.

Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,  
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh.  
Cánh buồm bể hoạn mên mang,  
Cái phong ba khéo c ột ph ường lợi danh.

Trăm năm còn có gì d ầu,  
Ch ẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì.

Ngày mượn thú tiêu diêu của Phật,  
Mối thất tình quyết dứt cho xong.  
Đa mang chi nữa đèo bòng,  
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.

L ấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,  
Mượn hoa đàm, đ ược huệ làm duyên.

H ẳn túc trái làm sao đây tá?  
Hay tiên nhân hậu quả xưa kia?  
Hay thiên cung có điều gì,

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

*Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.*

*Miếng cao lương phong lưu nhưng lạ,  
Mùi hoắc lê thanh đậm mà ngon.*

Trong Quan Âm thị Kính ta thấy:

*Nhân sanh thành Phật dễ đâu,  
Tu hành, cứu khổ rồi sau mới thành.  
Ai hay bên dạ làm lành,  
Chứng minh trong chốn mình mình cũng tường.*

*Có phen thể thốt dưới trăng,  
Một rằng thế thế, hai rằng sinh sinh.*

*Vì đâu phút hợp, phút ly,  
Kiếp này đã lỡ, chắc gì kiếp sau?*

*Có khi dốc chí tu hành,  
Lánh mình trần tục, nương mình thiên môn.  
Độ trì nhờ đức Thế Tôn,  
Lỡ làng thuở trước, vuông tròn mai sau.*

*Cửa thiên sẽ lén chân coi,  
Trông lên sư cụ vừa ngồi tụng kinh;  
Mưa hoa rảy khắp bên mình,  
Nhấp nhô đá cũng xếp quanh gập đầu*

## Tam bảo văn chương

---

*Chán vùng danh lợi, phiên hoa,  
Chấp tay xin đến thiên già quy y.*

*Đoái trông thế sự nực cười,  
Như đem trò rối mà chơi khác gì.  
Phù vân một đóa bay đi,  
Khi thì áo trắng, lúc thì chó đen.  
Chật đường hồ thử như nen,  
Cân đai cố phục người quen với mình.*

*Chẳng thềm ra áng công danh,  
Mà đem thân thế làm hình dịch chi.  
Cho nên mền cảnh từ bi,  
Dám xin nhờ đức tăng ni mở lòng.*

*Kìa bào, kìa ảnh phút qua,  
Kìa sương, kìa chớp, kìa là chiêm bao.  
Lựa là tranh trí thấp cao,  
Kẻ xem khoái chí, người gào thất thanh.*

*Lấy ai làm nhục làm vinh,  
Trăm năm là áng ngàn xanh rì rì.*

*Vâng lời, lãng cảnh ngọc phương,  
Khêu đèn Bát-nhã, đóng chuông Tam thiên.  
Này gươm trí huệ mài đây,  
Bao nhiêu phiên nã cắt ngay cho rồi.*

## Ảnh hưởng của ngôi Tam bảo đối với dân ta

---

*Lấy chi làm chuyện giải phiền?  
Quyển kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa.*

*Chữ rằng: nhân nhục nhiệm hòa,  
Nhân điều khó nhân mới là chân tu,*

*Nhưng, thời trong dạ hiếu sanh,  
Phước thì làm phước, dơ đành tiếng dơ.*

*Dấu xây chín đợt phù đồ,  
Sao bằng làm phước cứu cho một người.*

*Miền Bát-nhã tìm vào mây khói,  
Nương bè từ vượt khỏi sông mê.*

*Đuốc quang minh đốt cháy thành sâu,  
Biển khổ hạnh cháy lên Đại giác.*

Từ những lời ăn tiếng nói, những câu ca dao, những danh từ trong các văn thơ, tuồng, truyện... ta thấy rằng người Việt Nam ta thấm nhuần tinh thần nhà Phật một cách đậm thắm, sâu xa. Từ trên tới dưới, từ già chí trẻ, từ nam tới nữ, dù có xem kinh điển nhà Phật hay không, dù có thường viếng chùa lễ Phật hay không, ai nấy đều thấm nhuần tinh thần *từ bi hỷ xả* của Phật, cũng như các đạo lý nhân quả, luân hồi trong các kinh Phật. Nhờ vậy mà sự sống của dân tộc ta được êm ái, hiền hòa và thuần túy.

## Tam bảo văn chương

---

Vậy thì từ đây, mong rằng những vị chưa từng xem qua kinh điển nhà Phật nên để ra chút ít thời gian mà tìm hiểu về Phật lý, điều ấy rất dễ giúp cho mình dung hòa cõi đời với cõi đạo, rất dễ làm cho mình an ổn thân tâm, và có công hiệu nhất trong việc khuyên lơn, an ủi để mình vững chí mà tiến bước lên trong những công việc ích mình lợi người.

Và cũng mong rằng những vị đã xem qua kinh sách nên xem cho nhiều hơn, và tùy sức mình mà thi hành theo giáo lý của đức Phật, để cho hạt giống Bồ-đề càng ngày càng mở mang ra vậy.

*Nam Mô A Di Đà Phật*

*Saigon 1-10-1946*

**Đoàn Trung Còn**

# MỤC LỤC

Tựa ..... 5

## CÁC THỂ CA

Bảy bài kệ của bảy đức Phật..... 7

1. Kệ đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipayin) ..... 7

2. Kệ đức Phật Thi-khí (Ikhin) ..... 8

3. Kệ đức Phật Tỳ-xá-phù (Visvabhù) ..... 9

4. Kệ đức Phật Câu-lưu-tôn (Krakucchanda) ..... 10

5. Kệ đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanaka-mouni) ..... 11

6. Kệ đức Phật Ca-diếp (Kayapa)..... 12

7. Kệ đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Çakyamouni) ..... 13

Hương sơn phong cảnh..... 15

Viếng chùa Hương Tích ..... 16

Văn cúng cô hồn ..... 23

Ông Nhẫn, ông Không Nhẫn..... 35

Văn sám phát nguyện..... 53

Bài thứ hai ..... 55

Bài thứ ba ..... 62

## CÁC THỂ THƠ

Kệ Khóa Hư ..... 65

1. Kệ Bốn núi ..... 65

2. Kệ Sắc thân..... 71

## Tam bảo văn chương

---

3. Kệ răn sát sanh.....	71
4. Kệ răn trộm cắp .....	72
5. Kệ răn ham sắc .....	73
6. Kệ răn nói bậy.....	73
7. Kệ răn uống rượu .....	74
Vịnh tháp Báo Thiên .....	76
Khuyên học Phật .....	77
Họa vần bài Khuyên học Phật.....	78
Vịnh cảnh chùa Khán Sơn .....	79
Vịnh cảnh chùa Hoa Yên .....	80
Vịnh cảnh chùa Pháp Vũ.....	81
Vịnh cảnh chùa Thanh Mai .....	82
Vịnh cảnh chùa núi Phật Tích .....	84
Vịnh cảnh chùa Phổ Lai .....	85
Nhớ cảnh chùa Đọi .....	85
Ung Hồ Sơn Tự.....	86
Thơ Nguyễn Bình Khiêm .....	87
Vịnh núi Ngũ Hành .....	90
Đề chùa Bà Đanh .....	91
Đề chùa Tiên .....	92
Đề truyện Thị Kính.....	93
Vịnh cảnh hội chùa Thầy .....	94
Tặng Vân Tuyền Đạo Cô.....	94
Thiền môn lãng tích .....	95

**CÁC THỂ VĂN BIÊN NGẪU**

Văn tế Âm hồn ở Kontum .....	96
Khao thần Ôn Dịch .....	100
Phổ khuyến làm chùa .....	102
Phổ khuyến Kết hạ .....	107
Quan Âm tống tử văn .....	109

**Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo đối với dân ta**

- A. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong lời ăn tiếng nói..... 117
- B. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những câu ca dao. 121
- C. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những áng văn thơ 126